

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Luận-Văn Cốt-Nghiệp

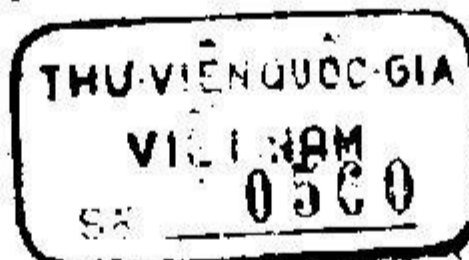
TỔ - CHỨC CÔNG - QUYỀN TRUNG ƯƠNG V. N. C. H.

Hướng dẫn :

Giáo sư NGUYỄN-VĂN-TƯƠNG

Tiến Sĩ Công Pháp

- G.S. Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Đại Học Luật Khoa, Đại Học Minh Đức
- Nguyên Đặc Ủy Trưởng Phủ Đặc Ủy Hành Chánh Nội Các Chiến Tranh và Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng đặc trách liên lạc Quốc-Hội.

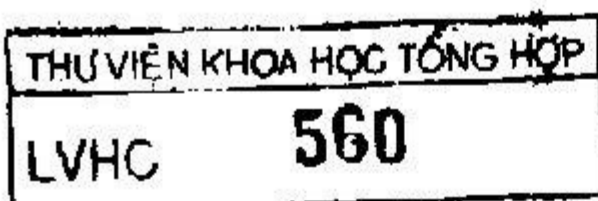


Sinh viên : **NGUYỄN-VĂN-TÀM**

BAN ĐỐC-SỰ

KHÓA XVI

1968 — 1971



**« HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH
không tán-thành cũng không phản-đối những ý-
kiến phát-biểu trong Luận-vấn. Những ý-kiến đó
do tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm ».**

Thành kính Tri-ân

Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-TƯƠNG

*Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
hoàn thành tập Luận Văn này*

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn:

- Giáo-sư VIỆN-TRƯỞNG
- Giáo-sư PHÓ VIỆN-TRƯỞNG
- Quý-vị Giáo-sư trong Ban Giảng Huấn

*Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
trong suốt học trình*

MỤC LỤC

<u>DẪN NHẬP</u>	1
<u>PHẦN MỘT : MÔ TẢ TỔ-CHỨC CÔNG-QUYỀN T.U.</u>	6
<u>CHƯƠNG I : CƠ QUAN LẬP-PHÁP</u>	7
I.- Nhiệm vụ và thẩm quyền	7
II.- Tổ chức	7
a)- Hạ-Nghị-Viện	8
b)- Thương-Nghị-Viện	11
c)- Quốc-Hội Lưỡng-Viện	12
<u>CHƯƠNG II : CƠ QUAN HÀNH-PHÁP</u>	14
<u>TIẾT I : TỔNG-THỐNG</u>	14
I.- Quyền hạn	14
II.- Ứng cử, bầu cử và nhiệm kỳ	15
III.- Tổ chức Phủ Tổng-thống	17
<u>TIẾT 2 : PHÓ TỔNG-THỐNG</u>	17
<u>TIẾT 3 THỦ-TƯỚNG VÀ CHÁNH-PHỦ</u>	18
I.- Tổng Quát	18
II.- Phủ Thủ-Tướng	19
III.- Quốc-vụ-khánh và các Bộ	19
<u>CHƯƠNG III : CƠ QUAN TƯ-PHÁP</u>	21
<u>TIẾT 1 : TỐI-CAO PHÁP-VIÊN</u>	21
<u>TIẾT 2 : HỘI-ĐỒNG THẨM-PHÁN</u>	25
<u>CHƯƠNG IV : CƠ CẤU THEO CÁC ĐỊNH-CHẾ ĐẶC-BIỆT</u>	27
<u>TIẾT 1 : GIÁM-SÁT-VIÊN</u>	27
<u>TIẾT 2 : ĐẶC-BIỆT PHÁP-VIÊN</u>	31
<u>TIẾT 3 : CÁC HỘI-ĐỒNG TƯ-VẤN</u>	32

I.- Hội-Đồng An-Ninh Quốc Gia	32
II.- Hội-Đồng Quân Lực	32
III.- Hội-Đồng Văn-Hoá Giáo-Dục	33
IV.- Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội	33
V.- Hội-Đồng sắc tộc	33
PHẦN HAI : THỰC TRẠNG TỔ-CHỨC CÔNG-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG	35
CHƯƠNG I : ĐIỀU-HÀNH VÀ TƯƠNG-QUAN NỘI BỘ	36
MỤC I : CƠ QUAN LẬP-PHÁP	36
- Thủ tục lập pháp	38
MỤC II : CƠ QUAN HÀNH-PHÁP	40
1.- Tương quan giữa Phủ Tổng-Thống và Phủ Phó Tổng-Thống	41
2.- Tương quan giữa Phủ Tổng-Thống và Phủ Thủ-Tướng	42
3.- Tương quan nội bộ của Hành-Pủ	43
MỤC III : CƠ QUAN TƯ-PHÁP	44
1.- Điều hành Tối-Cao Pháp-Viện	44
2.- Điều hành Hội-Đồng Tham Pháp	45
3.- Tương quan giữa nội bộ của cơ quan tư-pháp	45
MỤC IV : CƠ QUAN GIÁM-SÁT	45
- Thủ-tục Thanh-Tra điều-tra và kiểm-soát kế toán	46
- Thủ tục phân xét các phúc trình Thanh Tra điều tra và tham tra kế toán	47
MỤC V : ĐẶC-BIỆT PHÁP-VIỆN VÀ CÁC HỘI-ĐỒNG TƯ-VẤN	48
CHƯƠNG II : PHỐI-HỢP VÀ TƯƠNG-QUAN GIỮA CÁC CƠ-QUAN CÔNG-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG	49
MỤC I : TƯƠNG-QUAN GIỮA CƠ QUAN LẬP-PHÁP VÀ HÀNH-PHÁP	50
1.- Ảnh hưởng cơ quan lập-pháp đối với hành-pháp	50
- Thủ tục khuyến-cáo	51
- Thủ tục chất-vấn	53
2.- Ảnh hưởng cơ quan hành-pháp đối với lập-pháp	55
- Quyền phúc-ngệ của Tổng-Thống	56

<u>MỤC II</u> : TƯƠNG QUAN GIỮA TỐI CAO PHÁP VIỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN	58
- Các phán quyết của Tối Cao Pháp Viện	
<u>MỤC III</u> : TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁM SÁT VIỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN	62
<u>MỤC IV</u> : TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT VÀ CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN	64
<u>CHƯƠNG III</u> : TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN VÀ THỰC TẠI CHÍNH TRỊ	66
SỰ ƯU THẾ CỦA HÀNH PHÁP ĐỐI VỚI LẬP PHÁP	67
- SỰ ĐỘC LẬP CỦA CƠ QUAN TƯ PHÁP	74
- VAI TƯỜNG CỦA GIÁM SÁT VIỆN	77

KẾT LUẬN :

DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Việt-Nam trên đường Dân-chủ như một đứa bé đang tập-tính bước đi.

Trên con đường xây-dựng Dân-Chủ và phát-triển, Quốc gia phải vượt qua những khoảng đường trường thành khác nhau luôn luôn đòi hỏi những định-chế mới, những tổ-chức công-quyền mới, thích-nghi cho từng giai-đoạn.

Giờng máy công-quyền cũng vậy, không phải luôn-luôn cứng rắn không thay-đổi, cũng không thể theo một mẫu-mực nhất định được.

Trái lại, tùy theo khung-cảnh sinh-hoạt của Quốc-Gia, tùy đường lối và chính-sách của Chính-phủ, đôi khi còn tùy thuộc vào những liên-hệ quốc-tế và biến-chuyển của thời-kuộc hệ-thống tổ-chức công-quyền và nền Hành-chánh lại được thay đổi để thích-ứng.

Do đó, những nhà nghiên-cứu có thể đặt vấn-đề ngược lại, so-sánh hệ-thống tổ-chức và quyền-hạn của cơ-quan này, sự giảm bớt cơ-cấu của cơ-quan kia, có thể tìm được đường-lối Quốc-Gia hay Chủ-trương của Chính-Phủ trong từng giai-đoạn của lịch-sử.

Tổ-chức công-quyền phải chăng chỉ là một phương-tiện hoặc để phục-vụ con người như chế-độ dân-chủ, hoặc để thống-trị con người như chế-độ độc-tài.

Việt-Nam đều đã trải qua những giai-đoạn đó.

Trước năm 1954, người Pháp thiết-lập một công-quyền chỉ để thống-trị và bóc lột.

Hiệp-định Genève ký kết ngày 20.7.1954 chia đôi đất nước Việt-Nam theo vĩ-tuyến 17.

Miền Bắc theo Xã-hội Chủ nghĩa, thiết-lập một chế-độ Cộng-Sản rập theo khuôn mẫu các nước Cộng-Hòa Nhân-Dân.

Miền Nam Tự-Do theo chánh thể Cộng-Hoà, Hiến-Pháp ngày 26.10.1956 khai-sanh ra nền Đệ I Cộng-Hoà, ông Ngô-Đình-Diệm liên-tiếp được bầu làm Tổng-Thống hai nhiệm kỳ.

Trong suốt 9 năm của nền Đệ I Cộng-Hoà, tổ-chức công-quyền đại-cương như sau :

Hiến-Pháp 26.10.1956 đã đặt Hành-Pháp trên cả Lập-pháp. Quyền Hành-Pháp được trao cho Tổng-Thống được quốc-dân bầu lên, Tổng-Thống lãnh-đạo quốc-dân, Tổng-Thống vừa là Quốc-Trưởng vừa là Thủ-Tướng, Tổng-Thống lãnh-đạo Chánh-Phủ, bốn nhiệm các Bộ-Trưởng, các vị này chỉ chịu trách-nhiệm trước Tổng-Thống.

Tổng-Thống đã có một uy-quyền quá lớn lao và lấn lướt các cơ-quan công-quyền khác.

Quyền lập-pháp được trao cho Quốc-Hội, Quốc-Hội chỉ có một Viện gồm 123 Dân-biểu. Quốc-Hội Lập-Hiến được bầu ngày 04.3.1956 cũng là Quốc-Hội Lập-Pháp đầu tiên, ngày 30.8.1959 Quốc-Hội Lập-Pháp khoá 2 được bầu. Chủ-tịch Quốc-Hội điều hành Văn-Phòng, ngoài ra còn có 12 Ủy-Ban chuyên môn giúp việc.

Về Tư-Pháp bị lép vế hẳn so với các cơ quan Hành Pháp và Lập Pháp. Vì Hiến-Pháp đã không đề cập đến việc tổ chức các Toà Án thường. Sự im-lặng đó đưa tới việc duy-trì các tổ chức tư-pháp cũ của Việt-Nam vốn do người Pháp thiết lập trong khuôn khổ chánh thể đại nghị thi hành tại Pháp. Các thẩm-phán do nhà cầm quyền Hành-pháp bổ nhiệm và quản-trị, thăng thưởng và chuyển-chuyển, bởi vậy nhà cầm quyền đã chi-phối các thẩm-phán xử-án. Cơ quan Tư-Pháp đã quá lu mờ trong hệ thống công quyền thời Đệ I Cộng-Hoà.

Bên cạnh các cơ-quan trên, còn có một số những Hội đồng có tính-cách chuyên môn không có quyền định đoạt về đường lối chánh trị đó là :

- Đặc Biệt Pháp Viện : là một toà án đặc biệt để xét xử các viên chức cao cấp như Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Chánh - Án Toà Phá Án và Chủ Tịch Viện Bảo Hiến khi các vị này can tội phản-quốc và các trọng tội.

- Thượng Hội Đồng Thẩm Phán có mục-dịch là để bảo đảm tính cách độc-lập của Thẩm-phán xử án. Trên thực-tế Hội đồng này vô quyền.

- Hội-dồng Kinh-tế Quốc-Gia.
- Viện Bảo-Hiến có mục đích phán quyết về tính cách hợp hiến của các Đạo-Luật, Sắc-Luật và các qui-tắc Hành-Chánh.

Trên nguyên tắc cơ-quan Hành Pháp được rộng quyền hơn các cơ-quan khác. Trên thực tế, Lập Pháp và Tư Pháp hầu như hoàn-toàn lệ thuộc vào Hành Pháp, các cơ-quan này thực sự chỉ đóng vai-trò làm nước sơn dân-chủ phết lên một chế-độ độc-tài của nền đê I Cộng-Hoà.

Tổng Thống nắm quyền Hành Pháp đã có quá nhiều quyền-lực để rồi đi đến chỗ độc tài, và đó cũng là lý-do đưa đến sự sụp đổ của nền Đê I Cộng Hoà vậy.

Cuộc Cách-Mạng 01.11.1963 lật đổ chế độ Ngô-Đình Diệm, sau cuộc Cách Mạng là một thời kỳ khủng hoảng chính-trị triền-miên.

Trong khoảng thời gian này nhiều loại cơ-chế được thiết lập, nhưng cũng không tồn tại được bao lâu. Đến khi Quân Đội trở lại nắm chánh quyền, thiết-lập một Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia do Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu làm Chủ-Tịch và một Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng do Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ làm Chủ Tịch (19.6.1965) mới tạm tạo được sự ổn-định trong giới lãnh đạo. Nhưng cũng trong giai-đoạn này lại xảy ra nhiều xáo-trộn chánh trị khác, những phong-trào tranh-đấu được phát-động tại nhiều nơi, phủ-nhận tánh cách bất chánh đáng của chánh quyền và đòi-hỏi phải triệu-tập một Quốc Hội Lập Hiến dân cử.

Trước những nguyện-vọng đó, một Đại Hội Chánh Trị Toàn quốc được triệu tập ngày 12.4.1966, sau 3 ngày làm việc Đại hội đưa ra nhiều đề-nghị, trong đó có đề-nghị bầu cử một Quốc Hội Lập Hiến là quan-trọng.

Chủ Tịch Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã ký Sắc Luật 014/66 trước Đại Hội, ấn-định rằng Quốc Hội Lập Hiến sẽ được bầu cử, có nhiệm-vụ soạn-thảo và biểu-quyết Hiến-pháp.

Sau đó, công cuộc bầu cử Quốc-Hội Lập Hiến được xúc-tiến tốt đẹp. Ngày 26.9.1966 Quốc Hội Lập Hiến họp khoảng đại đầu tiên, sau 6 tháng làm việc, ngày 28.3.1967 Quốc-Hội Lập Hiến chung-quyết toàn bộ dự-án Hiến-pháp.

Ngày 01.4.1967 Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hoà được long -

trọng ban hành, đánh dấu một kỷ nguyên mới, khai sinh nền Đệ II Cộng Hoà Việt Nam.

Đến nay, sau 4 năm các cơ cấu công quyền đã được lần-lượt tổ-chức đầy đủ theo nguyên tắc phân quyền một cách cứng-rắn. Mỗi cơ quan Quốc Gia thi hành một nhiệm vụ và có một quyền hạn riêng. Và những cơ-quan đó độc lập với nhau, không thể có phương tiện hành-dộng hỗ tương nào, nghĩa là mỗi cơ-quan không thể nào ảnh hưởng đến cơ-quan khác.

Sở dĩ có một sự phân quyền cứng rắn như vậy, phải chăng đã biểu lộ một mặc cảm lo sợ tái lập chế-độ độc tài như trước?

Theo Hiến Pháp 01.4.1967, quyền lập pháp được trao cho Quốc Hội gồm hai Viện chứ không một Viện như thời Đệ I Cộng Hoà đã dễ bị Hành Pháp thao túng. Vì Hành Pháp là một cơ-quan hành động có đủ mọi phương tiện và nhân sự để khuynh loát các cơ quan khác và để có khuynh hướng độc tài, nên Lập Pháp được tăng cường quyền hành nhằm hạn chế quyền hành của Hành-Pháp, Tổng thống bị đặt dưới sự kiểm-soát chặt chẽ của Quốc-Hội. Quốc Hội có thể mở cuộc điều-tra về sự thi-hành chính sách Quốc Gia lại có thể khuyến cáo Tổng Thống thay thế từng phần hay toàn-thể Chánh Phủ.

Quyền Hành Pháp do quốc-dân ủy-nhiệm cho Tổng Thống, có Thủ-Tướng và Chánh-Phủ giúp sức trong việc điều-khiển nền Hành Chánh Quốc Gia. So với thời Đệ I Cộng Hoà, Hành Pháp đã bị hạn chế nhiều quyền hành, ở Trung Ương thì chịu sự kiểm-soát chặt chẽ của Quốc Hội còn ở địa-phương khi có các vị Tỉnh - Trưởng dân cử.

Tuy nhiên, trong một Quốc Gia chậm tiến và đang chiến-tranh. Hơn nữa các sinh-hoạt chính trị còn hỗn tạp thường đưa tới bất ổn định về mọi mặt, vì vậy Tổng-Thống cũng còn có nhiều quyền hành rộng rãi, đó cũng chỉ là nhu cầu chính trị mà thôi.

Về Tư Pháp, được độc lập và ngang hàng với Lập Pháp và Hành Pháp. Quyền Tư-Pháp được trao cho Tối Cao Pháp Viện gồm các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện do Quốc-Hội bầu ra bởi một danh sách ứng tuyền viên do Tham phán Đoàn, Công-tố Đoàn và Luật sư Đoàn bầu lên. Tối-Cao Pháp Viện cũng là cơ-quan bảo hiến và giải thích Hiến Pháp.

Ngoài các cơ-cấu thông thường trên, Hiến Pháp 01.4.1967

còn thiết-lập một định-chế đặc-biệt, đó là Giám-Sát Viện lãnh quyền giám-sát, như vậy Hiến-Pháp của nền Đệ II Cộng Hoà đã chấp-nhận từ quyền chủ không phải tam quyền như trước. Giám-Sát Viện là một cơ-quan độc lập và ngang hàng với các cơ-quan Lập-Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp.

Trong các định chế đặc-biệt, Hiến Pháp cũng qui-định thiết-lập một Đặc Biệt Pháp Viện và một số Hội Đồng Tư Vấn, các Hội Đồng này có nhiệm vụ cố vấn cho Chánh phủ trong các vấn đề liên hệ.

Trên nguyên-tắc Hiến Pháp đã qui định như vậy, nhưng trên thực-tế vấn đề còn phức tạp hơn nhiều, vì sự điều hành và tương-quan giữa các cơ-quan, nên đôi khi nguyên-tắc phân-quyền cũng bị vi-phạm, và thực-trạng của sự tổ-chức công-quyền hiện tại đã giúp các cơ-quan đó làm đúng được nhiệm vụ mà quốc-dân giao-phó chưa?

Vì vậy trong một Luận Văn với khuôn khổ hạn hẹp này, chúng tôi trình bày vấn-đề qua 2 phần, phần đầu chúng tôi xét vấn-đề dưới khía-cạnh tĩnh và phần hai dưới khía-cạnh động như sau :

PHẦN MỘT : MÔ TẢ TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN TRUNG ƯƠNG

PHẦN HAI : THỰC-TRẠNG TỔ-CHỨC CÔNG-QUYỀN TRUNG -
ƯƠNG VIỆT-NAM.

PHẦN MỘT

MÔ TẢ TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN T. U. NỀN ĐỆ II CỘNG HÒA

Cơ-cấu tổ-chức công quyền Trung Ương của nền Đệ II Cộng Hoà Việt-Nam bao gồm 4 cơ quan chính yếu : Lập pháp , Hành Pháp, Tư Pháp và Giám sát.

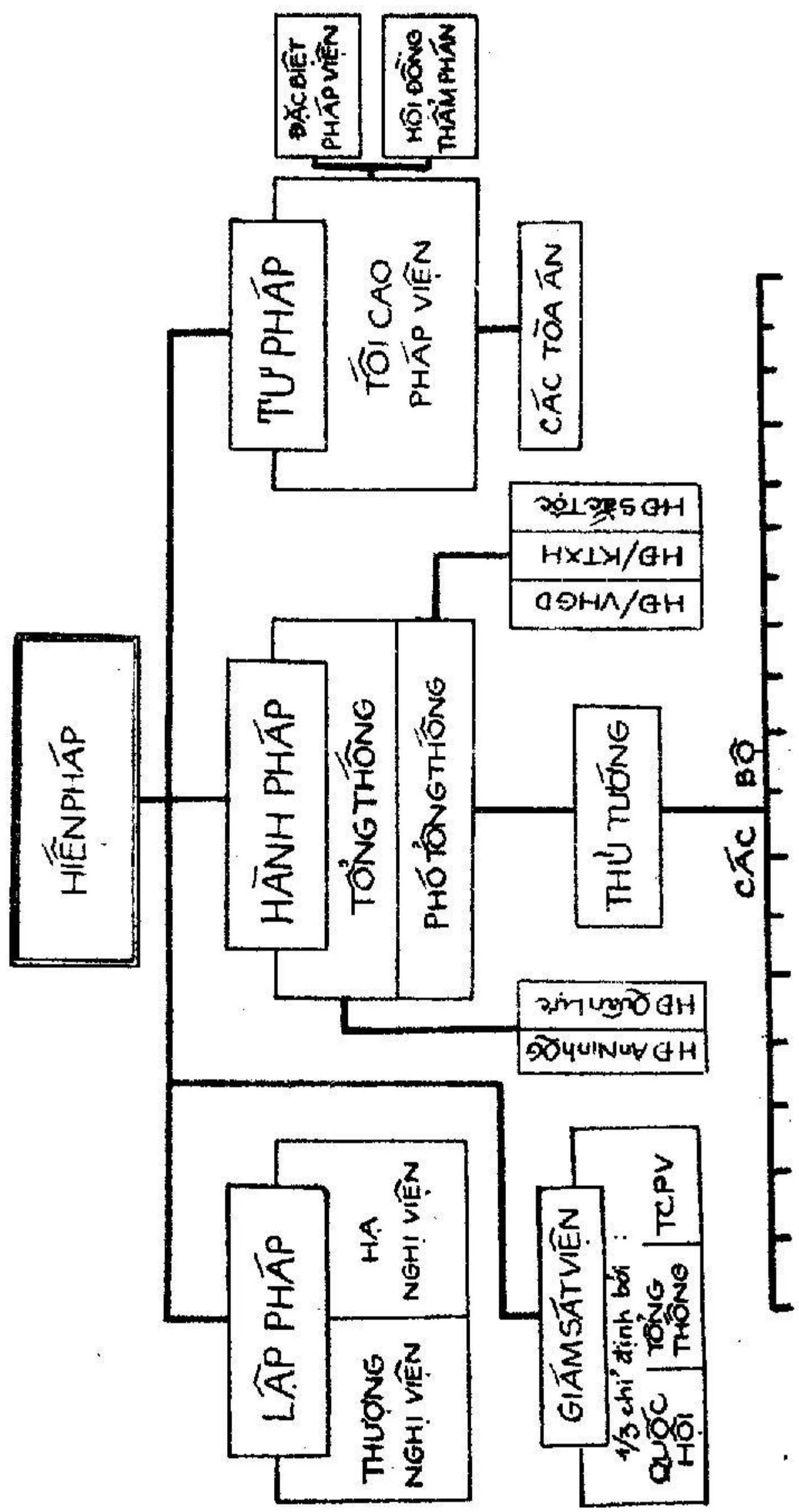
Mỗi cơ-quan đều có một cơ-cấu tổ-chức riêng, có quyền lập qui riêng và có Ngân-sách tự-trị.

Ngoài ra, còn có một số các định chế đặc-biệt, đến nay việc tổ-chức các cơ-cấu này cũng đã hoàn tất, đó là Đặc Biệt Pháp Viện và một số Hội-Đồng Tư Vấn.

Để tìm hiểu cơ-cấu tổ-chức của các cơ-quan công quyền Trung Ương trên, chúng tôi sẽ trình bày lần lượt qua 4 chương như sau :

CHƯƠNG I	:	CƠ-QUAN LẬP PHÁP
CHƯƠNG II	:	CƠ-QUAN HÀNH PHÁP
CHƯƠNG III	:	CƠ-QUAN TƯ PHÁP
CHƯƠNG IV	:	CÁC CƠ-CẤU THEO ĐỊNH-CHẾ ĐẶC BIỆT

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN TRUNG ƯƠNG VNCH



Chương Một **CƠ QUAN LẬP PHÁP**

Theo điều 30 Hiến Pháp 01.4.1967, quyền Lập Pháp được quốc-dân ủy-nhiệm cho Quốc-Hội.

I. - NHIỆM-VU và THẨM-QUYỀN. -

Quốc Hội có nhiệm-vụ :

1. - Biểu-quyết các Đạo luật
2. - Phê chuẩn các Hiệp ước và Hiệp định Quốc Tế
3. - Quyết định việc tuyên chiến và nghị hoà.
4. - Quyết định việc ban bố tình trạng chiến tranh
5. - Kiểm-soát Chánh Phủ trong việc thi hành chánh sách Quốc Gia.
6. - Trong phạm-vi mỗi viện, quyết-định hợp thức hoá sự đặc cử của các Dân biểu hay Nghị sĩ.

Ngoài thẩm quyền được qui định theo điều 39 của Hiến Pháp như trên, Quốc Hội còn có các thẩm quyền như sau :

a/- Một phần ba tổng số dân biểu hay Nghị sĩ của mỗi Viện có thể yêu-cầu Thủ Tướng hay các nhân viên Chánh Phủ ra trước Viện sở quan để chất vấn về sự thi hành chánh sách Quốc Gia. Ngoài ra Chủ Tịch Ủy Ban của mỗi viện có quyền yêu-cầu nhân viên Chánh Phủ tham-dự các phiên họp của Ủy-Ban để trình bày các vấn đề liên-quan đến Bộ sở quan.

b/- Riêng Thượng Nghị Viện có quyền mở các cuộc điều-tra về sự thi hành chánh sách Quốc Gia của Chánh Phủ. Ngoài ra còn có quyền chấp thuận việc bổ-nhiệm những công chức cao cấp là những Trưởng Nhiệm Sở ngoại giao và Viện Trưởng các Viện Đại Học.

c/- Quốc Hội có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể Chánh Phủ với đa-số 2/3 tổng-số Dân-biểu và Nghị sĩ. Nếu Tổng Thống khước từ, sự khuyến cáo sẽ được chung quyết và có hiệu-lực với đa số 3/4 tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ (điều 42)

d/- Dân Biểu và Nghị Sĩ đều có sáng quyền lập pháp, tức có quyền đề-nghị các dự án luật (điều 43).

e/- Trong khi thảo-luận về dự-luật Ngân Sách có quyền đề nghị thêm các khoản chi mới, nhưng cũng phải đề-nghị các khoản thu mới tương đương.

Quốc Hội biểu quyết Ngân Sách Quốc Gia (điều 46).

f/- Sau hết, mỗi Viện Quốc Hội có thẩm quyền tổ chức nội bộ, và văn-phòng hai Viện để ấn-định thủ-tục liên lạc và sinh-hoạt giữa hai Viện.

Để thi-hành nhiệm vụ một cách độc lập và vô tư. Các dân biểu và Nghị Sĩ được hưởng các đặc miễn : vô trách nhiệm về những sự phát biểu và biểu quyết tại Quốc Hội. Ngoài ra, còn được hưởng quyền bất khả xâm-phạm trong suốt nhiệm kỳ trừ trường hợp quả tang phạm pháp.

Ngoài các quyền đặc miễn đó, Dân Biểu và Nghị Sĩ cũng bị ràng buộc bởi những bất khả kiêm nhiệm : không thể kiêm nhiệm một chức-vụ công cử hay dân cử nào khác trừ trường hợp phụ trách giảng huấn tại các Đại Học và Cao Đẳng kỹ-thuật, và Dân-Biểu Nghị Sĩ hay người hôn-phối không thể tham-dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với các cơ-quan công quyền.

II. - TỔ-CHỨC :

Quốc Hội có 2 Viện : Hạ Nghị Viện gồm những Dân Biểu địa phương và Thượng Nghị Viện gồm những Nghị Sĩ được cử-tri toàn-quốc lựa chọn.

A. - HẠ NGHỊ VIỆN :

Theo điều 31, Hiến Pháp 01.4.1967 ấn-định số Dân Biểu từ 100 tới 200. Trong pháp nhiệm đầu tiên Hạ Nghị Viện gồm 137 dân biểu được các cử-tri địa-phương bầu lên, theo lối phổ thông đầu phiếu, trực-tiếp và kín, theo thể-thức đơn danh trong từng đơn-vị là Tỉnh.

Dân Biểu có nhiệm kỳ là 4 năm và có thể tái cử. Muốn ứng cử Dân Biểu, mọi công-dân phải hội đủ các điều-kiện sau :

- Có Việt tịch từ khi mới sanh, hoặc đã nhập Việt tịch ít nhất 7 năm, hoặc thủ đắc hoặc hồi phục Việt tịch ít nhất 5 năm tính đến ngày bầu cử.

- Đủ 25 tuổi, được hưởng các quyền công dân và hợp lệ tình-trạng quân-dịch.

- Hội đủ các điều-kiện khác dự liệu trong Đạo luật bầu cử Dân Biểu.

TỔ-CHỨC NỘI-BỘ :

Hạ Nghị Viện là một cơ-quan tự-trị, sinh-hoạt theo nội qui, có Ngân sách và nền Hành Chánh tự trị. Hạ Nghị Viện gồm có :

1/- Văn Phòng Chánh thức :

Là một cơ-quan đầu não của sinh-hoạt nghị trường. Nhân viên của Văn Phòng Hạ Nghị Viện được đồng viện bầu lên, gồm có 1 Chủ Tịch, 2 Phó Chủ Tịch, 1 Tổng Thư Ký, 3 Phó Tổng Thư ký và 2 Hội Kế viên.

Nhiệm kỳ của Văn Phòng là 12 tháng, nhiệm vụ chánh của Văn Phòng là trông coi sự điều hành Hạ Nghị Viện về mọi phương diện.

2/- Các Ủy Ban :

Gồm có các Ủy-Ban Thường trực, Ủy Ban Đặc Biệt, Liên Ủy Ban và Ủy Ban Lương Viện Đặc Biệt

a/- Ủy Ban Thường Trực : Hạ Nghị Viện gồm 16 Ủy Ban, đó là các Ủy Ban Bại trừ tham nhũng, Canh Nông, Giao Thông Công-Chánh, Kinh Tế, Lao Động Xã Hội, và Cựu Chiến Binh, Miên Vụ, Ngân Sách và Tài Chánh, Nội Vụ, Ngoại Giao, Phát Triển Sắc Tộc Quốc Phòng, Thông Tin và Chiêu Hồi, Tư-Pháp và Định Chế, Văn-Hoá Giáo Dục và Thanh Niên, Xây-Dựng Nông Thôn và Y-Tế.

Văn-phòng Ủy-Ban gồm có 1 Chủ Tịch, 1 Phó Chủ Tịch, 1 Thư Ký, 1 hay nhiều Thuyết trình viên. Chủ Tịch và Phó Chủ tịch Ủy-Ban do Viện bầu ra. Thư Ký và Thuyết trình viên do Ủy Ban bầu. Ủy Ban có ít nhất là 9 Dân Biểu và nhiều nhất là 25. Nhiệm kỳ là 12 tháng. Ủy Ban có thể chia thành các Tiểu Ban tùy nhu cầu.

Ủy-Ban có nhiệm vụ nghiên cứu phúc-trình và cho ý kiến về những vấn-đề mà Viện giao phó. Bất cứ một Dự Án luật hay dự thảo luật nào trước khi đưa ra phiên họp khoáng đại đều phải qua Văn Phòng Ủy Ban cứu xét và biểu-quyết trước.

b/- Ủy Ban Đặc Biệt : Được thành lập mỗi khi xét thấy cần

c/- Liên Ủy-Ban : Được thành lập mỗi khi công việc của Viện có liên-quan đến nhiều Ủy-Ban.

d/- Ủy-Ban Lương Viện Đặc Biệt : Được thiết lập do sự hội ý của nhi vị Chủ Tịch Lương Viện để điều giải những vấn đề quan trọng đặc biệt hay liên quan đến nhiều Ủy Ban, hoặc để hoà hợp quan điểm bất đồng.

3/- Các Khối :

Các Dân Biểu có thể gia-nhập các khối tùy theo khuynh-hướng chánh trị. Mỗi Khối ít nhất phải có 14 người, mỗi Dân biểu chỉ được gia-nhập một khối. Trưởng Khối là Hội-viên của Hội Đồng Nghị Trình và có quyền yêu-cầu chủ-toạ ngưng họp một lần 15 phút trong mỗi buổi họp của Viện.

Các Khối cử Khối viên vào các Ủy Ban theo đại-diện tỷ-lệ. Trước đây Hạ Nghị Viện có nhiều Khối, nay chỉ còn 4 Khối chính :

- Khối Xã Hội, có khuynh hướng đối-lập với Hành Pháp.
- Khối Đoàn Kết, có khuynh hướng ôn hoà, trung dung.
- Khối Độc Lập, có lập trường quốc-Gia cực đoan, chống Cộng.
- Khối Cộng Hoà, có khuynh hướng ủng-hộ Hành Pháp, Khối này là hậu thân của Khối Dân Tiến trước kia.

4/- Hội-Đồng Nghị Trình :

Có nhiệm-vụ ấn-định chương-trình Nghị sự các phiên họp Hội Đồng Nghị Trình gồm có :

- | | | |
|-----------------------------------|-------|----------|
| - Chủ Tịch Hạ Nghị Viện | | Chủ Tịch |
| - 2 Phó Chủ Tịch Hạ Nghị Viện | | Hội viên |
| - Các Chủ Tịch Ủy Ban Thường Trục | | - nt - |
| - Trưởng Khối | | - ' - |
| - Tổng Thư Ký Hạ Nghị Viện | | Thư ký |

Ngoài các cơ cấu nội bộ trên, Hạ Nghị Viện cũng có một số cơ-quan Hành chánh giúp việc, được đặt dưới quyền điều-khiển của một Tổng Quản Trị Sự Vụ, có 1 Phó Tổng Quản Trị phụ-tá, gồm có :

- Văn Phòng Chủ Tịch Quốc Hội
- Nha Hành Chánh và Tài Chánh

- Nhà Công Tác
- Nhà Nghiên Cứu và Pháp Chế
- Cơ-quan Kiểm soát ước chi
- Phòng Công Văn và Lưu-trữ.

B. - THƯỢNG NGHỊ VIỆN :

Theo điều 33 Hiến Pháp 01.4.1967, Thượng Nghị Viện gồm từ 30 tới 60 Nghị Sĩ. Trong pháp nhiệm đầu tiên, Thượng Nghị Viện gồm có 60 Nghị Sĩ được cử-tri toàn-quốc bầu lên ngày 30.9. 1967. Nhiệm-kỳ là 6 năm, cứ mỗi 3 năm bầu lại 1/2, Thượng Nghị Sĩ có thể được tái cử.

Cuộc tuyển-chọn Thượng Nghị Sĩ bằng lối phổ thông đầu phiếu trực-tiếp và kín theo thể thức liên danh đa-số. Mỗi liên danh gồm 10 người.

Muốn ứng cử Nghị Sĩ, công dân phải trên 38 tuổi, được hưởng các quyền công dân, ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch, và các điều-kiện dự liệu trong đạo luật bầu cử Nghị Sĩ.

TỔ CHỨC NỘI BỘ :

Thượng Nghị Viện là một cơ-quan tự trị, sinh hoạt theo nội-qui, có Ngân sách và Hành Chánh riêng, Thượng Nghị Viện gồm có :

1/- Văn-phòng Thượng Nghị Viện :

Gồm 1 Chủ Tịch, 2 Phó Chủ Tịch được bầu lên do 1 cuộc bầu phiếu kín của các Nghị Sĩ. Nhiệm-kỳ của Văn Phòng Thượng Nghị Viện là 12 tháng. Văn Phòng điều khiển các phiên-họp và các Nha Sở trực thuộc.

2/- Các Ủy Ban :

Có các Ủy Ban thường và Ủy Ban Đặc Biệt. Ủy Ban Đặc biệt được thành lập mỗi khi xét thấy cần. Có 12 Ủy-Ban thường, đó là các Ủy Ban Canh Nông, Giao Thông Công Chánh, Kinh Tế, Lao Động Xã Hội, Ngân Sách Tài Chánh và Thuế Khoá, Ngoại giao, Thông Tin, Nội Viện Nội quy, Nội Vụ, Quốc Phòng, Tư Pháp Định-chế, Văn-Hoá Giáo-Dục Thanh Niên và Y-Tế.

Mỗi Ủy-Ban có 1 Chủ-Tịch và từ 4 tới 9 Ủy-viên. Riêng Ủy Ban Ngân Sách Tài Chánh Thuế khoá có thể lên tới 15 Ủy viên và Ủy Ban Nội Viện Nội quy chỉ có 4 Ủy viên.

Chủ Tịch các Ủy Ban được bầu cử theo thể thức đơn danh bỏ phiếu kín và đa-số tương đối. Chủ Tịch các Ủy Ban đồng nhiệm với Văn-Phòng Viện.

3. - Các Khối :

Các Nghị Sĩ có thể họp thành Khối tùy khuynh-hướng và lập trường chính trị, mỗi Khối tối thiểu là 15 vị, mỗi người chỉ được gia nhập một Khối, các Khối có đại-diện tỷ-lệ trong các Ủy Ban.

Hiện thời tại Thượng Nghị Viện có 2 Khối và một nhóm :

- Khối Xã-hội Dân Chủ có khuynh hướng ủng-hộ Hành-Pháp gồm các Nghị sĩ của liên-danh Mặt Trời và một số Nghị Sĩ ở các liên-danh khác.

- Khối đối lập gồm có các Nghị sĩ thuộc liên-danh Hoa-Sen và Khối Dân-Tộc còn lại.

- Nhóm độc lập gồm các Nghị Sĩ thuộc liên danh Bônghuê (67 và 70) và một số các nghị sĩ thuộc các liên danh Đại-Đoàn-Kết, Bông lúa v.v...

Ngoài các cơ cấu nội bộ trên, Thượng Nghị Viện cũng còn có một số cơ-quan Hành Chánh giúp việc, các cơ-quan này đặt dưới sự điều khiển của Chủ-Tịch Thượng Nghị Viện, gồm có :

- Nha Đông-Lý Văn-Phòng, do 1 Đông Lý Văn Phòng điều - khiển, gồm có Văn Phòng, Võ Phòng và các bí thư, công cán ủy - viên.

- Nha Tổng Quản-Trị Sự vụ gồm có Nha Công tác Nghị - trường, Nha Hành-Chánh Tài Chánh và Nha Pháp-chế tài liệu.

- Ban Chuyên Viên, để phụ giúp các Nghị sĩ trong việc soạn-thảo, sưu-tầm và góp ý-kiến trong phạm-vi chuyên môn.

C. - QUỐC-HỘI LƯƠNG VIỆN :

Quyền lập pháp được trao cho Quốc Hội gồm hai viện : Thượng và Hạ Nghị Viện. Sự liên lạc và điều-hoà sinh-hoạt hai Viện được thực-hiện qua Văn-Phòng hai Viện, các Ủy-ban Thường-Vụ đồng nhiệm và các Ủy Ban Lương Viện đặc biệt.

Ngoài ra, còn có những phiên-họp khoáng đại Lươngviện tại Trụ Sở Thượng Nghị Viện, trong một số trường hợp sau :

- 13 -

- Tổng-Thống đọc Thông Điệp.
- Chung quyết Dự luật mà Tổng Thống yêu-cầu phúc nghị.
- Quyết-định tu-chính Hiến Pháp.

Thành phần của Hội-đồng Lương Viện được ấn-định nhưsau

- Chủ-tịch Thượng Nghị Viện
- Chủ-tịch Hạ Nghị Viện
- Bốn Phó Chủ-Tịch Thượng và Hạ Nghị Viện
- Chủ Tịch Ủy Ban Nội Viện Nội Quy Thượng Viện.
- Tổng Thư ký Hạ Viện.
- Chủ Tịch Ủy Ban liên hệ Lương viện.

Chương Hai **CƠ QUAN HÀNH PHÁP**

Quyền Hành-Pháp được quốc-dân ủy-nhiệm cho Tổng thống, có Thủ Tướng và Chánh Phủ phụ giúp trong việc lãnh đạo guồng máy Hành Chánh Quốc Gia.

Các cơ cấu của cơ quan Hành Pháp gồm có các cơ cấu ở Trung ương và địa Phương. Riêng ở Trung ương gồm có : Tổng-Thống, Phó Tổng Thống và Thủ Tướng cùng chánh phủ.

Tiết một : **TỔNG-THỐNG.**

I. - QUYỀN HẠN :

Tổng Thống được quốc dân ủy nhiệm nắm giữ quyền hành pháp, là lãnh-tụ của Quốc Gia.

Quyền hạn của Tổng Thống được thay đổi trong tình - trạng bình thường và bất bình thường.

A. - TRONG TÌNH-TRẠNG BÌNH THƯỜNG :

- Tổng Thống bổ nhiệm Thủ Tướng và các nhân viên chánh phủ theo đề-nghị của Thủ Tướng. Ngược lại, cũng có quyền giải nhiệm một phần hay toàn thể Chánh Phủ theo sự khuyến cáo của Quốc Hội hoặc tự ý.

- Tổng Thống có quyền bổ nhiệm các Trưởng Nhiệm Sở Ngoại Giao và Viện Trưởng các Viện Đại Học có sự chấp thuận của Thượng Nghị Viện.

- Tổng Thống có quyền ân-xá và ân-giảm hình-phạt các phạm nhân.

- Tổng Thống là Tổng Tư lệnh Tối Cao của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Tổng Thống ban hành các loại huy chương.

- Tổng Thống hoạch định chính sách Quốc Gia và Chủ-tọa Hội-Đồng Tổng Trưởng.

- Tổng Thống ban hành các Đạo luật do Quốc Hội biểu quyết. Trong thời hạn ban hành, Tổng Thống có quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản. Đây là một quyền đăng-kê nhất của Tổng Thống để ảnh hưởng đối với Quốc Hội, và đã có nhiều hiệu lực rất lớn đối với hai Viện Quốc Hội không có một đa số thuận nhất và thiếu kỷ luật.

- Tổng Thống còn có quyền tiếp xúc với Quốc Hội bằng Thông Điệp để thông báo cho Quốc Hội biết tình hình Quốc Gia và chính sách của Chánh Phủ.

B. - TRONG TÌNH TRẠNG BẤT BÌNH THƯỜNG :

Trong trường-hợp đặc-biệt Tổng Thống có thể ký Sắc Luật tuyên-bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ. Nhưng chậm nhất là 12 ngày sau đó, Quốc Hội phải được triệu-tập để phê-chuẩn, sửa đổi hoặc bãi bỏ.

Ngoài ra trong tình-trạng chiến-tranh không thể tổ chức bầu-cử được. Tổng Thống có quyền lưu-nhiệm một số cơ quan dân-cử và bổ-nhiệm một số Tỉnh Trưởng, nhưng phải được sự chấp-thuận của 2/3 tổng-số dân biểu và nghị sĩ.

II. - ỨNG-CỬ, BẦU CỬ và NHIỆM KỲ :

Được quyền ứng-cử Tổng Thống, các công dân phải hội đủ những điều kiện sau :

1.- Có Việt tịch từ khi mới sanh và liên tục cư ngụ trên lãnh thổ Việt-Nam ít nhất 10 năm tính đến ngày bầu cử.

Thời-gian công cán và lưu vong chánh trị tại ngoại quốc được kể như thời gian cư ngụ tại nước nhà.

2.- Đủ 35 tuổi tính đến ngày bầu cử.

3.- Được hưởng các quyền công dân.

4.- Ở trong tình-trạng hợp-lệ quân-dịch.

Ngoài ra Luật bầu cử ngày 17.6.1967 còn qui định thêm: không bị liệt kê vào những trường hợp vô tư cách, và phải xin nghỉ gia hạn không lương từ ngày hết hạn nộp đơn đến ngày bầu-cử nếu ứng viên là quân nhân hay công chức. Trong nhiệm-kỳ hai

Luật 9/71 ngày 23.6.71 còn qui định các ứng viên phải được sự giới thiệu của 40 Nghị sĩ và Dân Biểu, hay 100 Nghị viên.

Tổng Thống được cử-tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu, trực-tiếp và kín. Các ứng cử viên được hưởng đồng đều phương tiện trong cuộc vận động tuyển-cử.

Tối Cao Pháp Viện lập danh sách các ứng cử viên, kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả. Tất cả các chi-phí về tổ chức bầu cử đều do Ngân Sách Quốc Gia đài thọ.

Liên danh nào nhiều phiếu nhất được tuyên-bố trúng cử. Trong trường hợp hai hay nhiều liên danh bằng phiếu nhau, liên danh nào có ứng viên Tổng Thống cao tuổi nhất sẽ được tuyênbố trúng cử.

Nhiệm kỳ của Tổng Thống là 4 năm, và chỉ có thể tái cử một lần. Tuy nhiên, theo điều 56 Hiến Pháp, nhiệm kỳ Tổng Thống có thể bị chấm dứt trước kỳ hạn trong những trường hợp như mệnh chung, tử chức, bị truất quyền, bị bệnh tật trầm trọng và kéo dài không còn năng lực để làm tròn nhiệm-vụ. Sự mất năng lực này phải được Quốc Hội xác-nhận với đa số $\frac{3}{4}$ tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ sau các cuộc giám định y-khoa.

Trường-hợp nhiệm-vụ của Tổng Thống chấm dứt trên 1 năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống sẽ tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống trong thời-gian 3 tháng để tổ chức cuộc bầu cử Tổng Thống khác.

Trong trường hợp nhiệm vụ Tổng Thống chấm dứt dưới một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống sẽ tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống đến hết nhiệm kỳ, trừ trường-hợp Tổng Thống bị truất quyền.

Nếu Phó Tổng Thống không đảm nhiệm được chức vụ Tổng Thống, Chủ-Tịch Thượng Nghị Viện sẽ tạm thời đảm nhiệm trong 3 tháng để tổ chức cuộc bầu cử mới.

Cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống đầu tiên của nền Đệ II Cộng-Hoa vào ngày 03.9.67 có 11 liên danh ứng cử. Kết quả Liên danh 9 của ông Nguyễn-Văn-Thiệu - Nguyễn-Cao-Kỳ đắc cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hoa.

III. - TỔ CHỨC PHỦ TỔNG THỐNG : **THƯ VIỆN QUỐC GIA**

Tổ chức và điều hành Phủ Tổng Thống được an-định bởi Sắc Lệnh số 497-a/TT/SL ngày 26.9.1969 bủy bỏ Sắc Lệnh 23-TT/SL ngày 22.11.1967. Phủ Tổng Thống được tổ chức theo nhiều thành phần :

1. - Thành-phần cố vấn : gồm một số cố vấn xếp ngang hàng với Quốc-vụ-Khanh.
2. - Thành phần riêng biệt, gồm có Văn Phòng, Võ Phòng, Bí Thư, Nha Báo-Chí và Nha Nghi Lễ.
3. - Thành phần phụ trách các lãnh vực Quốc Gia, gồm có các Phụ-tá Đặc biệt được xếp ngang hàng với Tổng, Bộ hay Thủ Trưởng.
4. - Thành phần Quản-Trị Hành-Chánh, do một Tổng Quản trị điều-khiển gồm có Phòng Điều Hành, Nha Hành-Chánh và Nha Nhân-viên và kế-toán.

Ngoài ra còn có một số cơ-quan đặt trực thuộc Phủ Tổng Thống như Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo, Nha Tổng Giám Đốc Kế hoạch và Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện.

Tiết hai : PHÓ TỔNG THỐNG.

Phó Tổng Thống được bầu chung với Tổng Thống trong một liên danh và cũng phải hội đủ các điều kiện ứng cử như Tổng Thống, cùng nhiệm kỳ với Tổng Thống là 4 năm.

Phó Tổng Thống là một nhân-vật quan-trọng nhưng ít quyền, vai-trò chánh là cố-vấn cho Tổng-Thống và thực hiện những công-tác nhất-định do Tổng-Thống giao phó. Phó Tổng Thống không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào trong chánh phủ (điều 66) và cũng không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào trong lãnh vực tư đứ oổ thù lao hay không.

Phó Tổng Thống là Chủ-Tịch của các : Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục, Hội Đồng Kinh-Tế Xã Hội và Hội Đồng Sắc Tộc.

Đặc biệt của nền Đệ II Cộng Hoà là một Phủ Phó Tổng - Thống được thiết-lập, gồm có :

1. - Các Phụ-tá Đặc biệt, được xếp ngang hàng với các Thủ-Trưởng.
2. - Văn-Phòng Phủ Phó Tổng Thống, gồm có các Nha Nghi Lễ, Báo Chí và các Sở Quân Vụ, Nội dịch và Nhân viên, Kế

THƯ VIỆN QUỐC GIA	TỔNG HỢP
LVHC	560

- 3.- Nha Tổng Thư Ký, chuyên-trách việc nghiên-cứu sưu tầm tài-liệu để Phó Tổng Thống xử-dụng trong những buổi họp của các Hội-Đồng Văn-Hoá Giáo-Dục, Kinh-Tế, Xã Hội và Sắc-Tộc.
- 4.- Văn-phòng riêng của Phó Tổng Thống do một Chánh Văn-Phòng điều-khiển.

TIẾT BÀ : THỦ-TƯỚNG và CHÁNH-PHỦ.

I.- TỔNG-QUÁT :

Chánh-Phủ là cơ-quan thứ hai sau Tổng Thống, hành - xử quyền hành-pháp.

Chánh Phủ do Thủ Tướng cầm đầu, Tổng thống bổ nhiệm Thủ Tướng, theo đề-nghị của Thủ Tướng, Tổng Thống bổ nhiệm các nhân viên chánh phủ. Tổng Thống đóng vai trò vừa ở trên chánh phủ và vừa ở trong chánh phủ. Tổng Thống có quyền cải-tổ một phần hay toàn diện nội các và Tổng Thống Chủ-Toạ Hội-Đồng Tổng Trưởng.

Thủ Tướng và Chánh Phủ thi hành chính sách của Tổng Thống và chịu trách-nhiệm trước Tổng Thống.

Thành phần Chánh Phủ bao gồm Tổng Thống, Thủ Tướng, các Phó Thủ Tướng, Quốc Vụ Khanh, các Tổng, Bộ Trưởng và Thứ Trưởng. Thành phần chánh phủ nhiều ít tùy theo các chánh phủ. Đây cũng chính là điểm khác biệt với Hiến-Pháp 1789 của Hoa-Kỳ, theo đó số Bộ tại Hoa-Kỳ phải được qui-định bằng một Đạo luật.

Chánh Phủ thường sinh hoạt với nhau qua các phiên họp Hội-Đồng Tổng Trưởng, Hội-Đồng Nội Các và Hội-Đồng Liên-Bộ.

Hội-Đồng Tổng Trưởng do Tổng Thống Chủ-toạ, gồm tất cả các nhân-viên Chánh phủ, đây là cơ-quan quan-trọng nhất trong Chánh Phủ, có nhiệm-vụ thảo-luận đường lối, phối hợp công-tác.

- Hội-Đồng Nội-Các do Thủ-Tướng chủ toạ cũng gồm tất cả nhân-viên Chánh Phủ.

- Hội-đồng Liên Bộ do Thủ Tướng hoặc một vị Tổng trưởng có thẩm quyền chủ toạ, nhằm phối hợp các công-tác có liên - hệ mật thiết giữa một số Bộ với nhau.

Quốc cải-tổ Nội-Các mới nhất theo Sắc Lệnh số 366-TT/SL của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà ngày 12.6.1971, thành phần của Chánh Phủ hiện thời gồm có Thủ Tướng, Phó Thủ Tướng, 2 Quốc Vụ Khanh và Tổng Trưởng, và Thủ Trưởng.

II. - PHÓ THỦ TƯỚNG :

Để giúp Thủ Tướng trong việc điều khiển guồng máy Hành chánh Quốc Gia, Phó Thủ Tướng được tổ chức như sau :

1. - Ban Cố vấn và Phụ-Tá Đặc Biệt
2. - Văn Phòng Tổng Trưởng Phó Thủ Tướng
3. - Nha Đồng Lý Văn Phòng
4. - Nha Tổng Thư Ký Phó Thủ Tướng
5. - Văn Phòng Đặc Biệt Phó Thủ Tướng
6. - Võ Phòng.

Ngoài các cơ-quan của Phó Thủ Tướng trên, còn có một số các cơ-quan trực thuộc Phó Thủ Tướng :

- Tổng Nha Giám Đốc Công Vụ, phụ trách các vấn đề liên quan đến Pháp chế và Quản Trị Nhân Viên các cơ quan công quyền trong toàn quốc.

- Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, có nhiệm-vụ đào-tạo huấn luyện, tu-nghiệp các công chức và sưu-tầm, điều-tra, khảo cứu về nền Hành chánh Việt-Nam và Ngoại quốc.

- Tổng Nha Thương-Cảng
- Cơ-quan Tiếp Vận Trung Ương
- Việt-Nam Thông Tấn xã
- Nha Tổng Giám Đốc An Ninh Hành Chánh
- Tổng Nha Đặc-Trách Phát Triển người Việt gốc Miền.
- Tổng Nha Thanh Niên.

III. - QUỐC VỤ KHANH và CÁC BỘ :

Theo thành phần Nội Các cải tổ hiện thời Chánh-Phủ có 2 Quốc Vụ Khanh :

- Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn-Hoá
- Quốc Vụ Khanh đặc trách Chương Trình khẩn hoang lập Ấp


Theo Sắc Lệnh 366-TT/SL ngày 12.6.1971, hiện nay có 19

Bộ, do các Tổng Trưởng điều khiển Tổng Thống có quyền bổ-nhiệm hay giải nhiệm các Tổng Trưởng.

Mỗi Bộ có một cơ cấu tổ chức riêng phù hợp với lãnh vực đảm trách. Tuy nhiên, tổng quát các Bộ thường được tổ chức gồm có 1 Nha Đông lý Văn Phòng phụ trách vấn đề chánh trị của Bộ, và Nha Tổng Thư Ký phụ trách về phương diện chuyên môn. Dưới nữa là các Nha, Sở, Phòng do các Giám-đốc, Chánh sự vụ và Chủ-sự điều khiển. Các Nha, Sở nhiều ít là tùy từng Bộ.

Các Bộ của Chánh Phủ đương thời gồm có Bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng, Nội Vụ, Tư Pháp, Giáo Dục, Kinh Tế Tài-Chánh, Thông Tin Chiêu Hồi, Cải Cách điền địa và Phát Triển Nông Ngư Mục, Phát triển Nông Thôn, Công Chánh, Giao Thông Bưu Điện, Y-tế, Xã Hội, Lao Động, Cựu Chiến Binh, Phát Triển Sắc Tộc, và một Bộ mới được thi-lập trong kỳ cải tổ vừa rồi nhưng cơ cấu chưa được tổ-chức, đó là Bộ Kế-Hoạch và Phát Triển Quốc Gia.

Chương Ba CƠ QUAN TƯ PHÁP

 Quyền tư pháp độc lập được ủy nhiệm cho Tối Cao Pháp Viện và được hành xử bởi các thẩm phán xử án. Các vị này được hưởng một qui chế độc lập hầu giúp cho họ được vô tư trong việc hành xử quyền tư pháp mà quốc dân giao phó. Theo Hiến Pháp cần phải phân biệt rõ rệt thẩm phán xử án và công tố.

Thẩm phán xử án quyết-định theo lương tâm và pháp luật dưới sự kiểm soát của Tối Cao Pháp Viện

Thẩm phán công tố theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng, dưới sự kiểm-soát của Bộ Tư Pháp.

Hơn nữa, Thẩm Phán xử án chỉ có thể bị giải-nhiệm trong trường hợp bị kết án, vi-phạm kỷ-luật hay bắt lực về tinh thần hoặc thể chất.

Ngoài ra, việc tổ chức Tòa án đều phải do một đạo luật thiết-lập với một thành-phần thẩm phán xử-án và công-tố, và phải theo một thủ-tục tôn trọng quyền biện hộ.

Để tránh cho Thẩm phán xử án bị chi phối việc bổ nhiệm thăng thưởng, chuyển-chuyên và chế tài về kỷ-luật của các thẩm phán xử án thuộc thẩm quyền của Hội-đồng Thẩm Phán do chính các Thẩm Phán xử án bầu lên.

Tiết một: : **TỐI CAO PHÁP VIỆN**

I. - **THẨM QUYỀN** :

Tối Cao Pháp Viện là một cơ quan tài phán tối cao có thẩm quyền giải thích Hiến Pháp, phán quyết về tính cách hợp-hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật, Tính cách hợp

hay hợp pháp của các Sắc Lệnh, Nghị Định và Quyết Định Hành-Chánh và . . . có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chính đảng.

Tối Cao Pháp Viện còn có Thẩm quyền bảo Hiến, ngoài ra theo Luật 007/68 còn ghi thêm một số thẩm quyền về tư pháp và Hành Chánh.

Với thẩm quyền tư pháp, Tối Cao Pháp Viện :

- Phán quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm của mọi Tòa Án.
- Phán quyết về các đơn xin tái thẩm.
- Phân định thẩm quyền giữa các cơ-quan tài phán.

Với thẩm quyền Hành Chánh, Tối Cao Pháp Viện :

- Quản-trị ngành tư pháp.
- Kiểm kê tài sản của các Giám sát viên.
- Lập danh-sách ứng cử, kiểm soát tính cách hợp thức, tuyên-bố kết-qua cuộc bầu-cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Chứng kiến lễ tuyên nhiệm của Tổng Thống đắc cử.
- Chỉ định 1/3 tổng-số Giám sát viên.

II. - THÀNH PHẦN :

Tối Cao Pháp Viện gồm từ 9 đến 15 thẩm phán Tối Cao Pháp Viện do Quốc Hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm theo một danh sách 30 người do thẩm phán đoàn, công tố đoàn và luật sư đoàn bầu lên.

Trong giai-đoạn mới thành lập, Tối Cao Pháp Viện chỉ gồm có 9 Thẩm Phán, giữa năm thứ 3 nhiệm kỳ đầu, Tối Cao Pháp Viện sẽ tổ chức một cuộc bầu bổ túc để chọn thêm 6 thẩm phán nữa.

Nhiệm-kỳ là 6 năm, cứ 3 năm sẽ tổ chức bầu-cử chọn thêm 9 hay 6 thẩm phán để thay thế những thẩm phán mãn nhiệm.

Muốn ứng cử Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, các thẩm phán xử án, công tố và luật sư phải hội đủ các điều kiện :

- Có quốc-tịch Việt-Nam nguyên thủy hoặc đã hồi Việt tịch ít nhất là 10 năm tính đến hết năm bầu cử.

- Đã hành nghề tối thiểu 10 năm trong ngành tư pháp.
- Không bị án, phạt giam trật, đình chỉ hành nghề.
- Không có hành vi chống lại chính thể Cộng Hoà hay những hành-vi thân Cộng.
- Vẫn ở trong tình trạng hợp lệ quân-dịch.

Cuộc bầu-cử Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện do một Hội Đồng Tổ Chức bầu cử gồm có Chủ Tịch Thượng Nghị Viện làm Chủ Tịch, Chủ Tịch Hạ Nghị Viện làm Phó Chủ-Tịch, một Nghị sĩ và Dân Biểu Một Thẩm phán xử án, thẩm phán công tố và luật sư không ra tranh cử, đều là Hội viên.

Các ứng tuyển viên được lập thành ba danh sách riêng cho 3 ngành Thẩm Phán xử án, Thẩm Phán Công Tố và Luật Sư. Cử tri đoàn bầu Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện gồm 3 ngành trên, mỗi ngành 50 vị.

Thành phần mỗi cử tri đoàn được bầu theo thể thức liên danh đa số, mỗi liên-danh gồm 10 người và mỗi cử tri được chọn tối-đa 5 liên danh. Năm liên danh nhiều phiếu nhất được đặc cử

Tối Cao Pháp Viện được bầu theo thể thức đơn danh hợp-tuyển, trực-tiếp và kín.

Mỗi cử tri thuộc cử tri đoàn có quyền chọn tối-đa 30 người (mỗi ngành tối-đa 10 ứng tuyển viên). 30 ứng tuyển viên nào nhiều phiếu nhất sẽ trúng cử Tuyền Viên Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện.

Sau đó Hội-Đồng Tổ Chức Bầu cử gửi danh sách cùng hồ-sơ của 30 Tuyền viên Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện cho Quốc Hội. Trong cuộc bỏ phiếu kín, tất cả Nghị Sĩ và Dân Biểu sẽ tuyền - chọn 9 hay 6 Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện tùy trường hợp. Ai nhiều phiếu nhất sẽ đặc cử, trường hợp hai hay nhiều người đồng phiếu, ai tuổi cao hơn đặc cử.

Sau hết Chủ Tịch Thượng Nghị Viện chuyển danh sách các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện đặc tuyển cho Tổng Thống để bổ - nhiệm.

Về quy chế Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện gần giống như qui-chế Dân Biểu hay Nghị Sĩ. Đặc biệt là khi đặc cử các Thẩm-Phán Tối Cao Pháp Viện không được hành nghề riêng của mình nữa Nếu là Luật sư phải đóng cửa Văn phòng và xoá tên tại Luật-Sư Đoàn. Các quân nhân đặc cử đương nhiên coi như giải ngũ.

Các Thẩm phán mãn nhiệm kỳ có thể tái cử.

Mãn nhiệm kỳ các Thẩm Phán đương nhiên quy hồi ngạch cũ

III. - TỔ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN :

Theo Luật số 007/68 ngày 3.9.1968, cơ cấu tổ chức Tối Cao Pháp Viện như sau :

1. - Đại Hội Đồng :

Gồm toàn thể Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện tại chức, có thẩm quyền là thẩm quyền của Tối Cao Pháp Viện, và quyền quản-trị, điều-hành Tối Cao Pháp Viện và các cơ-quan trực thuộc.

2. - Văn Phòng :

Gồm Chủ-Tịch, 2 Phó Chủ Tịch và Thẩm Phán đặc trách quản-trị tư pháp. Văn phòng được bầu theo lối bỏ phiếu kín, đơn danh. Nhiệm-kỳ là 12 tháng. Văn Phòng có nhiệm-vụ :

- Lập chương trình Nghị sự các phiên họp của Đại Hội Đồng.
- Biểu quyết về những chi tiêu từ 50.000đ tới 100.000đ
- Giúp ý-kiến cho Chủ-Tịch mỗi khi Chủ-Tịch xét thấy cần.

3. - Ban Bảo Hiến :

Do 1 Phó Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện điều khiển và có 2 ủy viên. Ban Bảo Hiến có nhiệm vụ thuyết trình trước Đại Hội Đồng về :

- Việc giải thích Hiến Pháp.
- Tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật sắc luật và tính cách hợp hiến, hợp pháp của các sắc lệnh, Nghị Định và quyết-định Hành Chánh.
- Việc giải tán Chánh đảng.

Ban Bảo Hiến có quyền điều-tra, sưu-tầm và các cơ quan công quyền khác phải có nhiệm-vụ cung cấp tài liệu.

Ban Bảo Hiến biểu quyết theo đa số hội viên.

Sau khi hoàn tất việc nghiên-cứu, Ban Bảo Hiến lập phúc trình gửi Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện để đưa ra Đại-Hội Đồng xét xử :

4. - Ban Phán Án :

Do một Phó Chủ-Tịch điều-khiển, gồm 3 phòng : Phòng Hộ Vụ, Hình Vụ và Hành Chánh. Mỗi Phòng có một Chánh tham và hai Hội Tham.

- Phòng Hộ Vụ có nhiệm vụ xét xử những vụ xin tiêu phá có tính chất hộ sự, và phân-định thẩm quyền về những vụ tranh tham tích hay tiêu cực của các cơ-quan tài phán hộ sự.

- Phòng Hình vụ có nhiệm vụ như trên nhưng có tính chất hình sự.

- Phòng Hành Chánh cũng có những nhiệm-vụ như trên , nhưng có tính chất Hành Chánh.

Tiết B : HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN.

Điều 84, Hiến Pháp và Luật số 016/69 ngày 20.10.69 ấn-định tổ-chức và điều hành Hội-Đồng Thẩm Phán.

Hội-Đồng Thẩm Phán có nhiệm vụ :

- Cố-vấn cho Tối Cao Pháp Viện về các vấn-đề liên quan đến ngành Tư Pháp.

- Đề-nghị bổ nhiệm, thăng thưởng, thuyên chuyển và chế tài về kỷ-luật các Thẩm Phán xử án.

Hội Đồng Thẩm Phán gồm có 8 Hội Viên :

- 4 Thẩm phán xử án do các Thẩm phán xử án từng sự tại Tối Cao Pháp Viện, Tham-Chánh Viện và các Tòa Thượng Thẩm bầu lên làm Hội Viên.

- 4 Thẩm phán xử án do các thẩm phán xử án từng sự tại các tòa án khác bầu lên làm Hội Viên.

Muốn ứng cử vào Hội Đồng Thẩm Phán, Thẩm Phán xử án phải hội đủ các điều kiện sau :

- Hành nghề Thẩm phán tại một cơ-quan tư-pháp ít nhất 10 năm cho Thẩm phán tại Thượng Thẩm, và 5 năm cho Thẩm phán tại sơ thẩm.

- Hiện đang hành nhiệm tại Tòa Án.

- Không hề bị áp dụng một biện-pháp kỷ-luật nào.

Về cử tri bầu Hội-Đồng Thẩm Phán, tất cả mọi Thẩm phán xử án không phân biệt cơ-quan tài phán, dù Thượng hay Sơ Thẩm, đều là cử-tri. Các cử-tri được chia làm 2 cử-tri đoàn, mỗi cử-tri đoàn được bầu 4 Thẩm phán xử án và 2 dự khuyết vào Hội-Đồng Thẩm phán như trên. Nếu trong 8 Thẩm phán đắc cử thực-thụ có ai vì lý-do nào không thể là Hội-viên được, các Thẩm phán xử án được bầu dự-khuyết sẽ thay thế. Nếu không, các Thẩm phán dự khuyết được hủy bỏ.

Nhiệm kỳ của Hội-đồng Thẩm phán là 2 năm, các Hội viên có thể tái cử.

Hội-đồng Thẩm Phán có một Hội-Đồng Thường Trực đặt dưới quyền điều-khiển của một Tổng Thư-ký, do Chủ-Tịch Tối Cao Pháp Viện bổ-nhiệm theo đề-nghị của Hội-Đồng Thẩm phán.

Tóm lại, sự tổ chức cơ-quan tư-pháp thời đệ II Cộng Hoà đã thể hiện được sự độc-lập của cơ-quan này đối với các cơ quan công-quyền khác. Và nếu so sánh với sự tổ chức cơ-quan tư-pháp thời đệ I Cộng Hoà là một tiến bộ vượt bậc trên con đường xây-dựng dân-chủ.

Chương Bốn **CƠ CẤU THEO CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT**

Hiến pháp 01.4.1967 thiết-lập các cơ-quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp, ngoài ra, còn có một số cơ-quan đặc-biệt được qui-định trong phần các Định-chế Đặc-biệt, đó là Đặc Biệt Pháp Viện, Giám Sát Viện và một số các Hội-Đồng Tư vấn như : Hội đồng An Ninh Quốc Gia, Hội Đồng Quân Lực, Hội Đồng Văn-Hoá Giáo Dục, Hội Đồng Kinh tế Xã Hội và Hội Đồng Sắc Tộc.

Trong các định chế này, việc qui định Giám Sát Viện là quan-trọng hơn cả. Sự hình thành ra nó có lẽ là sản-phẩm của một Xã hội quá Tham nhũng. Cơ-quan này được trao cho một quyền hành rộng rãi, ngang hàng và biệt-lập đối với các cơ-quan Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp. Mặc dù Hiến Pháp không xác-định là đệ tứ quyền, nhưng ít nhiều nó đã giữ vai-trò này trong việc tổ chức công quyền vậy.

Vì vậy trong Chương Bốn này, chúng tôi lần lượt trình-bày Giám-Sát Viện, Đặc Biệt Pháp Viện và các Hội Đồng Tư Vấn.

A :- GIÁM SÁT VIỆN.

Giám-sát Viện là một cơ-quan nắm giữ quyền Giám Sát, có một quyền hạn rộng rãi, ngang hàng và độc lập với các cơ-quan công-quyền khác.

I. - THÀNH PHẦN, CHỈ-ĐỊNH và QUI-CHẾ :

Theo Hiến Pháp 01.4.67 và Luật số 009/68 ngày 23.10.68 và Nội Quy Giám Sát Viện ngày 18.11.1968 ấn-định sự tổ-chức và điều-hành Giám Sát Viện.

Theo Hiến Pháp Giám Sát Viện gồm từ 9 tới 18 Giám Sát

Viên, và Luật số 009/68 đã ấn định con số nhất định là 18 Giám Sát Viên.

Nhiệm kỳ là 4 năm và có thể tái bổ-nhiệm.

Có thể được chỉ-định làm Giám Sát Viên những công dân hội đủ các điều-kiện sau :

- Có quốc tịch Việt Nam nguyên thủy hay đã hồi tịch ít nhất là 10 năm tính tới hết năm được chỉ-định.

- Đủ 30 tuổi và không bị án.

- Cư-ngụ tại Việt-Nam ít nhất là 5 năm và ở trong tình-trạng hợp-lệ quân-dịch.

Các Giám Sát Viên, 1/3 do Quốc-Hội, 1/3 do Tổng-Thống và 1/3 do Tối-Cao Pháp Viện chỉ định.

Tổng Thống bổ nhiệm bằng Sắc Lệnh, Quốc Hội và Tối Cao Pháp Viện bổ nhiệm được Tổng Thống xác nhận bằng Sắc Lệnh.

Khi chỉ định các Giám Sát Viên, Quốc Hội phải họp khoáng đại lưỡng Viện, và Tối Cao Pháp Viện phải triệu-tập họp Đại Hội Đồng.

Quy-chế của các Giám Sát Viên cũng gần giống như của Nghị Sĩ và Dân Biểu. Nhưng đặc biệt có tư cách Tư-pháp cảnh-lại trong phạm-vi hành xử quyền Giám Sát, và có quyền cùng nhiệm vụ bảo mật về xuất xứ tài liệu, có quyền trưng bằg cơ-làm-sáng-tố nội-vụ.

II. - THẨM QUYỀN :

Theo Hiến Pháp (điều 88, 89) và Luật 009/68, Giám-Sát-Viên có 5 thẩm quyền :

1. - Thanh-tra, kiểm soát và điều-tra nhân-viên các cơ-quan công quyền và tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu-cơ hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc Gia.

2. - Thẩm tra kế-toán đối với các cơ-quan công quyền, các xí nghiệp quốc-doanh và hợp-doanh.

3. - Kiểm kê tài-sản của các nhân viên công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ-Tướng, Dân-Biểu, Nghị Sĩ, Chủ-Tịch Tối Cao Pháp Viện. Ngược lại đối với Chủ-Tịch Giám-sát Viện, việc kiểm kê tài-sản do Tối Cao Pháp Viện đảm trách.

4. - Đề nghị các biện-pháp chế tài, hoặc yêu-cầu truy-tố ra Toà các nhân-viên phạm lỗi.

5. - Đề nghị các biện-pháp cải thiện lề lối làm việc của các cơ-quan công quyền nhằm ngăn ngừa tham nhũng và hối mại quyền-thế.

III. - TỔ CHỨC GIÁM SÁT VIỆN :

Giám Sát Viện có Ngân-sách Tự-trị và có quyền lập qui để tổ-chức nội bộ và quản-trị ngành Giám Sát. Giám-Sát gồm có:

1. - Hội-Đồng Giám-Sát Viện :

Gồm toàn thể các Giám Sát Viện, có nhiệm-vụ :

- Quản-trị ngành Giám-sát
- Biểu-quyết Ngân sách của Viện.
- Quyết-định về trường-hợp bắt lực của Giám Sát Viện.
- Cứu xét và quyết định về việc đề-nghị các biện pháp chế-tài đối với các viên chức phạm-lỗi hoặc yêu cầu truy-tố ra Toà.
- Quyết-định việc công-bố kết-quả cuộc điều-tra. Nếu có sự yêu-cầu của người bị điều-tra Giám Sát Viện phải công-bố kết-quả.

2. - Văn Phòng Giám Sát Viện :

Do Hội-Đồng Giám Sát Viện bầu ra, gồm có 1 Chủ-Tịch, 1 Phó Chủ Tịch, các Trưởng Ban chuyên biệt, 1 Tổng Thư Ký, 1 Chủ Tịch Ủy-Ban Điều-Tra và Kiểm Tra và 1 Chủ Tịch Ủy-Ban Thẩm Tra và kiểm kê tài sản.

Văn Phòng Giám Sát Viện có nhiệm vụ :

- Chấp hành các quyết nghị của Hội Đồng Viện.
- Quản-trị Giám Sát Viện.
- Tổ chức việc thu thập dân ý tại Trung Ương và địa phương.

Chủ-Tịch Giám Sát Viện là phát-ngôn viên chánh-thức của Viện, đại diện Viện và chủ-toạ các phiên-họp của Viện.

Phó Chủ-Tịch phụ-tá Chủ Tịch và thay thế khi Chủ Tịch Giám-Sát Viện bị ngăn trở.

Tổng Thư Ký phụ-tá Chủ-Tịch trong việc điều hành Viện và kiểm-soát các cơ-quan trực thuộc.

Nhiệm-kỳ của Văn Phòng Giám Sát Viện là 12 tháng.

3. - Các Ban Chuyên Biệt Trung Ương : gồm có :

a) - Ủy-Ban Điều-tra và Kiểm-Tra :

Gồm có 1 Chủ-Tịch Ủy-Ban và 5 Ủy-viên đều là các Giám Sát Viên do Hội-Đồng Viện chỉ-định. Có nhiệm-vụ nghiên-cứu kế-hoạch, thiết-lập chương-trình thanh sát, sưu-tầm tài liệu nghiên cứu và đề-nghị các biện-pháp làm việc, đề-nghị mở các cuộc điều-tra để ngăn chặn mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc Gia.

b) - Ủy-Ban Thẩm Tra Kế-toán và kiểm kê tài sản :

Gồm có 1 Chủ-Tịch và 4 Ủy-viên đều là Giám Sát Viên, do Hội-đồng Viện chỉ-định. Có nhiệm-vụ nghiên-cứu đề nghị tổ chức về thủ-tục thẩm tra kế-toán, đề-nghị mở các cuộc kiểm soát bất thường và tại chỗ tất cả các nghiệp-vụ tài-chánh và kếtoán của các cơ-quan công quyền, hậu kiểm thường xuyên, kiểm soát bảng kết-toán các Ngân Sách, kiểm kê tài-sản của các nhân viên thuộc các cơ-quan công quyền... Ngoài ra, Chủ-Tịch Ủy-Ban này còn giữ nhiệm-vụ kiểm soát viên Ngân Sách tự trị của Viện.

4. - Các Khu Giám Sát Địa-Phương :

Giám Sát Viện đặt 4 Khu Giám Sát địa phương tại 4 quân khu (vùng). Mỗi Khu Giám Sát được đặt dưới quyền điều khiển của một vị Giám Sát mệnh danh là Đặc Ủy Giám Sát do Hội-đồng Viện bầu ra.

Để giúp các vị Giám Sát thực-hiện công-việc của mình, một cơ-quan Hành Chánh được thiết-lập, gồm có :

- Văn Phòng, do 1 Chánh Văn Phòng điều khiển, có 1 bí-thư và 2 Công Cán ủy-viên phụ giúp.
- Sở Hành-Chánh, Nhân Viên và kế-toán.
- Sở Thanh Tra Sự vụ.
- Sở Dân nguyện.

Ngoài ra, còn có một số các cơ-sở nội-bộ của Giám Sát Viện trực thuộc hệ-thống chỉ-huy của Tổng Thư-ký. Khối Quản Trị đặt dưới sự điều-khiển của một Tổng Quản Trị Sự Vụ, gồm có :

- Sở Hành Chánh và Nhân Viên.
- Sở Ngân-sách Kế-toán và vật liệu
- Sở pháp chế và sưu-tầm tài liệu.

Tóm lại, dù không được Hiến Pháp công nhận là đệ tứ quyền, định chế Giám Sát được xem như ngang hàng với các định-chế lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tính chất biệt lập này được thể-hiện qua quyền lập qui và qui-chế của các Giám Sát Viên.

B. - ĐẶC-BIỆT PHÁP VIỆN.

Theo Hiến Pháp 01.4.1967 và Luật số 12/69 ngày 24.9.69 một cơ-quan đặc-biệt được thiết lập đó là Đặc Biệt Pháp Viện, cơ-quan này có thẩm quyền truất quyền Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ-Tướng, các Tổng, Bộ Trưởng, các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, các Giám Sát Viên trong trường-hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

Thành phần Đặc Biệt Pháp Viện gồm Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện giữ chức chánh thẩm và 5 Nghị Sĩ cùng 5 Dân biểu giữ chức Hội thẩm.

Khi bị can là Chủ-Tịch Tối Cao Pháp Viện thì Chủ Tịch Thượng Nghị-Viện làm chánh thẩm.

Thủ-tục truy-tố áp-dụng trước Đặc Biệt Pháp Viện do Hiến-Pháp 01.4.67 và Luật số 12/69 qui-dịnh.

Đề-nghị khởi-tố có viện dẫn lý-do phải được quá bán tổng số Dân-Biểu và Nghị Sĩ ký tên, quyết định khởi tố phải được đa số 2/3 tổng-số Dân Biểu, Nghị Sĩ biểu-quyết chấp thuận. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống, đề-nghị khởi tố có viện dẫn lý-do phải được 2/3 tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ ký tên và quyết-dịnh khởi tố phải được đa số 3/4 tổng-số Dân Biểu, Nghị-Sĩ biểu-quyết chấp thuận.

Đặc Biệt Pháp Viện phán quyết truất quyền theo đa số 3/4 tổng số nhân viên. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống, phán quyết truất quyền theo đa-số 4/5 tổng-số nhân-viên

Người bị truất quyền phải đình chỉ nhiệm-vụ từ khi Quốc Hội biểu-quyết truy-tố đến khi Đặc Biệt Pháp Viện phán-quyết. Nếu bị truất quyền, đương sự có thể bị truy-tố trước các Tòa-án có thẩm quyền.

Đặc Biệt Pháp Viện có một Văn Phòng do Tổng Thư Ký điều khiển, gồm 2 sở : Sở Hành Chánh và Sở Lục sự.

C. - CÁC HỘI ĐỒNG TƯ-VẤN.

Hiến pháp năm 1967 thiết-lập một số Hội-Đồng Tư-Vấn, có nhiệm-vụ giúp ý-kiến cho chánh phủ và Quốc Hội, các Hội-Đồng này không có thẩm quyền quyết-dịnh. Đó là Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Hội Đồng Quân Lực, Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục, Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội và Hội Đồng Sắc Tộc.

I. - HỘI ĐỒNG AN-NINH QUỐC-GIA :

Luật số 015/69 ngày 20.10.1969 ấn-dịnh tổ-chức và điều hành Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Thành phần của Hội-Đồng An Ninh Quốc Gia gồm có :

- | | |
|--|--------------|
| - Tổng Thống | Chủ-Tịch |
| - Phó Tổng Thống | Phó Chủ Tịch |
| - Thủ Tướng | Hội-viên |
| - Tổng Trưởng Quốc Phòng | - nt - |
| - Tổng Trưởng Nội Vụ | - ' - |
| - Tổng Trưởng Ngoại Giao | - ' - |
| - Và một viên chức do Tổng Thống bổ nhiệm làm Tổng Thư ký. | |

Hội-Đồng An Ninh Quốc Gia có nhiệm vụ :

- Nghiên-cứ các vấn-đề an-ninh Quốc Phòng
- Đề-nghị các biện pháp
- Đề-nghị tuyên bố tình trạng báo động, giới-nghiêm ,
khẩn trương hoặc chiến-tranh,
- Đề-nghị tuyên chiến hay nghị hoà.

II. - HỘI ĐỒNG QUÂN LỰC :

Luật số 017/69 ngày 31.10.69 ấn-dịnh tổ chức và điều hành của Hội Đồng Quân Lực. Hội Đồng này có nhiệm-vụ cố-vấn vấn Tổng Thống về các vấn đề liên-quan đến quân lực, đặc biệt là việc thăng thưởng, thuyên-chuyển và trừng phạt quân nhân các cấp.

Thành-phần gồm có 40 hội viên chánh thức và 15 hội viên dự khuyết đại-diện quân nhân các cấp :

- 5 chánh thức, 1 dự khuyết cho cấp Tướng.
- 5 chánh thức, 1 dự khuyết cho cấp Tá.
- 10 chánh thức, 3 dự khuyết cho cấp Úy.

- 33 -

- 10 chánh thức, 5 dự khuyết cho cấp Hạ-sĩ-quan
- 10 chánh thức, 5 dự khuyết cho cấp Bình sĩ.

Các Hội-viên do Tổng Thống bổ-nhiệm bằng Sắc Lệnh qua đề-nghị của Bộ Quốc Phòng. Nhiệm kỳ là 2 năm.

III. - HỘI ĐỒNG VĂN-HÓA GIÁO DỤC :

Luật số 05/69 ngày 2.5.1969 ấn-định tổ-chức và điều-hành Hội-Đồng Văn-Hoá Giáo Dục. Hội Đồng này có nhiệm-vụ cố-vấn Chánh Phủ trong lãnh vực Văn-hoá Giáo Dục.

Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục do Phó Tổng Thống làm Chủ-Tịch, và gồm 45 hội-viên chánh thức và 15 dự khuyết.

1/3 số hội viên do Tổng Thống chỉ-định và 2/3 hội viên do các tổ-chức Văn-Hoá Giáo Dục công và tư, các hiệp hội phụ huynh học sinh công cử trên toàn quốc.

Nhiệm kỳ là 4 năm.

Hội Đồng có một Tổng Quản Trị do Tổng Thống bổ nhiệm để Quản-trị công việc Hành Chánh.

IV. - HỘI ĐỒNG KINH-TẾ XÃ-HỘI :

Luật số 013/69 ngày 25.9.69 ấn-định tổ-chức và điều-hành Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội. Hội Đồng này có nhiệm vụ cố vấn cho Chánh Phủ về các vấn đề Kinh tế xã hội.

Hội Đồng Kinh tế Xã hội cũng do Phó Tổng Thống làm Chủ tịch, gồm 45 hội viên thực thụ và 18 dự khuyết, 1/3 số Hội viên do Tổng Thống chỉ định và 2/3 hội viên công cử bởi các tổ-chức công kỹ nghệ, thương mại các nghiệp công và các hiệp hội có tánh cách kinh tế Xã hội.

Nhiệm kỳ là 4 năm. Hội Đồng này cũng có một Văn Phòng thường trực và các Ủy-Ban chuyên môn.

V. - HỘI ĐỒNG SẮC-TỘC :

Luật số 014/69 ngày 14.10.1969 ấn định tổ chức và điều-hành Hội Đồng Sắc Tộc. Hội Đồng này có nhiệm vụ làm cố vấn cho Chánh Phủ về các vấn đề liên-quan đến đồng bào thiểu số.

- 34 -

Hội-Đồng Sắc-Tộc cũng do Phó Tổng Thống làm Chủ Tịch, gồm có 48 hội viên thực thụ và 12 dự khuyết, bởi 1/3 hội viên do Tổng Thống chỉ-định và 2/3 do các sắc tộc thiểu số công cử.

Nhiệm kỳ là 4 năm. Hội Đồng này cũng có một Văn Phòng thường trực và các Ủy-ban chuyên môn.

Các Hội Đồng Văn-Hoá Giáo Dục, Kinh-tế Xã-hội và Sắc-tộc đều có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-Hội về các vấn-đề liên hệ đến nhiệm-vụ mình, nếu có sự chấp thuận của Quốc Hội. Các dự luật liên quan đến các Hội Đồng ấy có thể được Hội Đồng Sở quan tham gia ý kiến trước khi đưa ra Quốc Hội thảo luận.

PHẦN HAI

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN T. U.

Phần một chúng tôi chỉ xét vấn-đề dưới khía cạnh tĩnh, tức là chỉ mô-tả cách tổ-chức công quyền trung ương của nền đê II Cộng Hoà Việt-Nam.

Trong một quốc Gia dù có tổ chức các cơ-cấu hay tới đâu đi nữa, mà sự điều-hành luộm thuộm, các cơ cấu thiếu phối hợp, tương quan lỏng lẻo, thì sự tổ-chức đó chỉ có trên mặt hình-thức và xa rời thực tại quốc Gia.

Vấn đề quan-trọng hơn là phải xét tới cách thức điều-hành, các mối tương-quan và sự phối hợp giữa các cơ-quan để có thể thực hiện được trật tự xã hội và thịnh vượng chung cho quốc Gia.

Đó chính là khía cạnh động của vấn-đề, mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày trong phần hai này, dưới các chương sau đây

CHƯƠNG I : Điều hành và Tương quan Nội bộ của các Cơ quan công quyền Trung Ương.

CHƯƠNG II : Phối hợp và tương quan giữa các cơ-quan công quyền Trung Ương.

CHƯƠNG III : Tổ chức công quyền và Thực tại chánh trị.

Chương Một

ĐIỀU HÀNH VÀ TƯƠNG QUAN NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN

Trước khi xét đến sự phối hợp và tương quan giữa các cơ quan công quyền. Chúng tôi xin trình bày về sự điều hành nội bộ và tương quan nội bộ của từng cơ quan công quyền tại Trung Ương.

MỤC I. - CƠ QUAN LẬP PHÁP

Cơ quan lập pháp là Quốc Hội gồm 2 Viện : Hạ Nghị Viện và Thượng Nghị Viện. Sự điều hành và tương quan nội bộ được thể hiện qua những khoá họp, phiên họp, thủ-tục lập pháp và các thủ-tục khác làm căn-bản cho việc điều-hành của Quốc Hội. Sự điều-hành và tương quan nội bộ này được Hiến pháp và Nội quy của mỗi Viện qui định.

1. - Các khoá họp :

Có 2 loại khoá họp của Quốc Hội : khoá họp thường lệ và bất thường.

Mỗi năm có 2 khoá họp thường lệ của mỗi Viện, khởi sự từ ngày thứ hai đầu tiên trong tháng 4 và tháng 10. Mỗi khoá họp không quá 90 ngày. Tuy nhiên Hạ Nghị Viện có thể triển hạn khoá họp khi chung quyết dự thảo Ngân Sách.

Khoá họp bất thường có thể được triệu-tập khi có sự yêu cầu của Tổng Thống hoặc 1/3 Tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ. Nếu Tổng Thống yêu-cầu triệu-tập thì Nghị trình do Tổng Thống ấn-định, khoá họp bất thường không ấn-định thời gian.

2. - Các phiên họp :

Quốc Hội họp công khai. Nhưng sẽ họp kín nếu có sự yêu cầu của quá bán tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ. Trong các phiên-

họp công khai, các bản tường thuật toàn vẹn cuộc thảo luận và các tài-liệu trình bày sẽ được đăng trên Công-báo.

Tại Hạ Nghị Viện : Các phiên họp được coi là họp-lệ khi có đủ quá bán tổng-số Dân Biểu hiện diện. Nếu không đủ, Hạ-viện sẽ họp họp lệ 24 giờ sau dù số Dân Biểu là bao nhiêu. Trong mỗi phiên họp chương trình Nghị sự do Hội-Đồng Nghị-Trình ấn định. Trong khi họp các Dân Biểu phát biểu ý-kiến trong vòng 10 phút và theo tuần tự ghi tên trước. Nếu muốn phát-biểu bất-thường trong lúc thảo luận phải giơ tay. Chủ-toạ cho phép trình bày tuần tự ai giơ tay trước trong trường họp này chỉ được phát biểu có 5 phút, nếu nói thêm phải được phép của chủ-toạ. Mỗi Dân Biểu chỉ được phát biểu tối đa là 3 lần, trừ Chủ-tịch Ủy Ban, Thuyết trình viên và tác-giả của vấn-đề liên-hệ.

Cuộc thảo luận kết thúc với một biểu quyết bằng các thẻ thức giơ tay, đứng dậy, minh danh hoặc bằng phiếu kín.

Hạ Viện biểu quyết với đa-số tương đối, trong mọi trường họp sự biểu quyết của Viện chỉ có giá-trị nếu hội đủ 1/3 tổng-số Dân Biểu.

Tại Thượng Nghị Viện :

Nếu không đủ túc số quá bán tổng số Nghị Sĩ hiện diện, Chủ Tịch Thượng Nghị Viện sẽ mời hoặc ký lệnh cho triệu tập các Nghị Sĩ vắng mặt, nhưng nếu vẫn không đủ, Thượng Viện có thể tiếp tục Nghị Trình bằng một biểu quyết có trên 1/3 tổng số Nghị Sĩ tán thành.

Nghị Trình do các Ủy-Ban đệ nạp tại Văn Phòng phải được Hội Đồng Chủ Tịch ấn-định trước sau, mới đem ra thảo luận. Tổng Thống hoặc Thủ Tướng được ủy quyền có thể đề-nghị Thượng Nghị-Viện ghi một hay nhiều vấn-đề khẩn-cấp vào một Nghị trình đã được ấn-định. Một đề án có tối thiểu 10 Nghị Sĩ ký tên, gửi tới Văn Phòng trước 24 giờ trước phiên họp cũng được ghi vào Nghị-trình. Về các thẻ thức phát biểu và biểu quyết cũng giống như Hạ Viện.

Phiên họp khoáng đại lưỡng Viện :

Quốc Hội Lưỡng Viện có một Hội Đồng Nghị Trình Quốc - Hội lo về nghị trình cũng như các thẻ thức họp khoáng đại lưỡng

Viện. Chủ-Tịch Thượng Viện triệu-tập và chủ-toạ phiên họp khoáng đại lưỡng Viện, nếu ông bị ngăn trở Chủ Tịch Hạ Viện sẽ thay thế.

Túc số để khai hội phiên họp là quá bán tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ, túc số để biểu quyết có giá trị là quá bán tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ hiện diện.

Khi thảo-luận, Chủ-toạ sẽ trao lời theo thứ tự ghi tên hoặc giơ tay nhưng phải san sẻ giữa Dân Biểu và Nghị Sĩ, khi biểu quyết, thường theo thể thức bỏ phiếu kín, nếu là biểu quyết không thảo luận sẽ theo thứ tự đứng dậy.

Đó là những sinh hoạt của những khoá họp và phiên họp của Quốc Hội. Mỗi tương quan quan trọng nhất của Hạ Nghị Viện và Thượng Nghị Viện là trong công việc lập pháp của hai Viện.

THỦ-TỤC LẬP PHÁP :

Dân Biểu và Nghị Sĩ có sáng quyền lập pháp, tức có quyền đề-nghị những dự-án luật, Tổng Thống cũng vậy, có quyền đề-nghị dự thảo luật. Muốn trở thành luật, các dự-án luật và dự thảo luật gọi chung là dự luật, phải qua các giai đoạn sau :

a) - Dự luật trước Hạ Nghị Viện :

Dự-luật phải nộp tại Văn Phòng Hạ Viện khi nhận được, Chủ Tịch Hạ Viện sẽ chuyển giao các dự-luật cùng các hồ-sơ, tài liệu đính kèm cho Chủ Tịch Ủy-Ban liên hệ và các bản sao Dự luật cho các Ủy Ban khác. Nếu Dự luật liên hệ đến nhiều Ủy Ban Liên Ủy Ban sẽ được thành lập và thụ lý.

Khi nhận được Dự luật, Chủ Tịch Ủy Ban liên hệ triệu-tập Ủy-Ban để xác-dịnh thẩm quyền và xét tánh cách hợp lệ của Dự luật trong vòng không được quá 1 tháng, nếu gia hạn phải được Hội-Đồng Nghị Trình chấp thuận. Khi cứu xét xong, Chủ Tịch Ủy Ban chuyển đệ Chủ Tịch Hạ Viện bản phúc trình của Ủy-Ban kèm theo Biên bản thảo luận với đề-nghị của Ủy Ban : hoặc chấp nhận trên nguyên tắc hoặc bác bỏ hoặc hoãn thảo luận trong một thời gian có hạn định.

Nếu Viện chấp nhận bản văn trên nguyên tắc, Viện sẽ thảo

luận và biểu- quyết các điều-khoản của Dự luật đã được Ủy Ban chấp thuận và tu chính. Sau khi biểu quyết đủ chấp-nhận hay bác bỏ, chậm nhất là 3 ngày tròn, Chủ-Tịch Hạ Viện phải chuyển bản văn Dự luật đó đến Văn Phòng Thượng Nghị Viện.

b) - Dự luật trước Thượng Nghị Viện :

Sau khi tới Thượng Nghị Viện, Dự luật cũng theo một thủ tục như ở Hạ Viện.

- Nếu Thượng Viện đồng quan điểm :

- * Cùng chấp thuận, Dự luật sẽ được gửi tới Tổng Thống trong thời hạn 3 ngày tròn để ban hành.
- * Cùng bác bỏ, tác giả Dự luật sẽ được thông tri sự bác bỏ.

- Nếu Thượng Viện biểu quyết tu chính, hay bất đồng với quan điểm Hạ Viện, Dự luật cùng các tu chính sẽ được trả về Văn Phòng Hạ Viện cũng trong thời hạn 3 ngày tròn, kèm theo lý do và biên-bản thảo luận.

c) - Dự luật trở về Hạ Viện :

Sau khi tiếp nhận, Chủ Tịch Hạ Viện giao ngay quyết nghị cho Chủ-tịch Ủy Ban liên hệ, và đồng thời phổ biến cho toàn thể Dân Biểu. Ủy Ban xét quyết nghị của Thượng Viện rồi lập phúc trình đề-nghị Hạ Viện : hoặc giữ lập trường cũ, hoặc chấp nhận từng phần hay toàn phần quyết-nghị của Thượng Viện.

Nếu quyết nghị của Thượng Viện không được Hạ Viện đồng quan điểm thì Hạ Viện có quyền chung quyết với đa số 2/3 tổng số Dân Biểu. Tuy nhiên nếu Hạ Viện không đủ đa số 2/3 thì quan điểm của Thượng Viện được coi là chung quyết (điều 43 Hiến Pháp).

Khi bản văn được chung quyết đều phải được Thượng Viện chuyển đến Tổng Thống để ban hành trong thời gian luật định.

Dự luật trước lưỡng Viện :

Trong thời-gian ban hành, Tổng Thống có quyền gửi Thông Điệp cố viện dân lý do yêu-cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của dự luật.

Trong trường hợp này Quốc Hội sẽ họp khoáng đại Lương Viện để chung quyết dự luật do Tổng Thống yêu-cầu phúc nghị. Thủ tục được áp dụng là thủ tục của một phiên họp khoáng đại-Lương Viện. Nếu bác bỏ lời yêu-cầu của Tổng Thống, Quốc Hội phải hội đủ đa số quá bán tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ.

Ngoài những sự điều hành và sinh hoạt trên, Nội quy của mỗi Viện còn qui định một số thủ tục khác làm căn bản cho việc điều-hành của Viện như các thủ tục khẩn cấp, Ngân Sách, phê chuẩn Hiệp Ước và hiệp định quốc tế, tu chính Hiến Pháp.

Trên thực-tế, sự sinh hoạt của cơ-quan lập pháp cũng gặp nhiều trở ngại, như số dân biểu và Nghị Sĩ đi họp quá ít, ngay cả trong các phiên họp quan trọng như họp khoáng đại Lương Viện để biểu quyết lời yêu-cầu phúc nghị của Tổng Thống. Sự hợp tác giữa 2 Viện cũng chậm chạp, bởi thể thức làm việc không thống nhất, thiếu sự thông cảm và hợp tác giữa các Dân Biểu và Nghị Sĩ. Đó cũng là bởi một số đông Dân Biểu và Nghị Sĩ chưa thức được nhiệm vụ và làm tròn bổn phận mà quốc dân giao phó.

MỤC II : CƠ QUAN HÀNH PHÁP.

Cơ-quan Hành Pháp Trung Ương gồm có Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng và Chánh Phủ. Tổng Thống được dân giao-phó cho quyền Hành Pháp, Tổng Thống có quyền lập qui bao trùm tất cả mọi hoạt động của cơ quan Hành Pháp. Quyền này gồm 3 quyền :

- quyền lập qui tự khởi, là quyền theo đó một cơ-quan có thẩm quyền tự ý thiết lập những qui tắc không trái với đạo luật.

- quyền lập qui chuyển hoá, là quyền theo đó cơ-quan có thẩm quyền thiết-lập quy-tắc để ấn-định những chi tiết sự thi hành các đạo luật. Trên thực tế, Tổng Thống ít sử dụng quyền lập qui này vì nó có tính cách thường xuyên và ở cấp bậc thừa hành, nên Tổng Thống ủy-nhiệm cho Thủ Tướng và Chánh Phủ

Phó Tổng Thống phụ trợ cho Tổng Thống và thực hiện công-tác nhất định do Tổng Thống giao phó. Phó Tổng Thống của

nền Đệ II Cộng-Hoà chỉ đóng một vai-trò lu mờ. Nhưng được đặc biệt chú-ý đến, khi Phó Tổng Thống Nguyễn-Cao-Kỳ tự động ký Sắc lệnh số 001-PPT/SL ngày 14.11.67 ấn-định tổ-chức Phủ Phó Tổng Thống, và sau đó trong dự thảo Ngân-sách tài-khoá 1968 còn dự-trừ cả Ngân Sách của Phủ Phó Tổng Thống trong một mục riêng công việc này đã gây ra nhiều cuộc tranh luận tại Quốc Hội về quyền lập qui của Phó Tổng Thống. Cuối cùng quyền này được hiểu là có khi chấp nhận Ngân Sách cho Phủ Phó Tổng Thống.

Thủ-Tướng và Chánh Phủ được Tổng Thống bổ nhiệm và chịu trách-nhiệm trước Tổng Thống. Tổng Thống chia xẻ một phần quyền lập qui cho Thủ-Tướng và các nhân-viên Chánh Phủ trong nhiệm vụ phụ trợ Tổng Thống điều khiển cơ-quan Hành Pháp Quốc Gia.

Quyền lập qui của Thủ Tướng một phần tuỳ thuộc ở tập-tục Hiến Pháp, Hành Chánh và một phần ở mức độ uỷ-nhiệm của Tổng Thống. Vì vậy mặc dù Thủ Tướng cũng có quyền ký những Sắc Lệnh Nghị Định như Tổng Thống nhưng không được trái với hành vi lập qui của Tổng Thống, vì quyền lập qui của Thủ Tướng là hành vi lập qui lệ thuộc hay chuyển hoá nhằm trong những lãnh vực chuyên môn, thường xuyên, ở cấp dưới hành vi lập qui của Tổng Thống.

Các nhân-viên Chánh Phủ, gồm Phó Thủ Tướng, Quốc Vụ Khanh, các Tổng, Bộ và Thứ Trưởng cũng có quyền lập qui trong một lãnh vực chuyên môn là Bộ Sở tại. Văn-kiến lập qui được thực hiện dưới hình thức những Nghị Định, lẽ dĩ nhiên nó không được trái với các văn-kiến lập qui của Thủ Tướng và Tổng Thống.

Trên thực-tế, không phải bất cứ các tương quan và sự điều hành giữa các cơ-quan hành pháp với nhau đều phải do quyền lập qui ấn định. Mà thực ra do tập tục hoặc thực tại chánh trị cấu-tạo nên nhiều hơn.

I. - TƯƠNG-QUAN GIỮA PHỦ TỔNG THỐNG VÀ PHỦ PHÓ TỔNG THỐNG :

Trên nguyên-tắc, Phó Tổng Thống giữ một vai trò lu mờ Phó Tổng Thống chỉ là Chủ Tịch các Hội Đồng tư vấn : Văn Hoá Giáo Dục, Kinh tế Xã Hội và Sắc Tộc. Ngoài ra, Phó Tổng Thống lại không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào trong Chánh Phủ.

Trên thực tế, vì thực tại Chánh trị vai trò của Phó

Tổng Thống cũng đặc biệt, Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ đã có một quyền hết sức rộng rãi: Phó Tổng Thống thiết-lập Phủ Phó Tổng Thống, có Ngân sách riêng và quyền lập qui để điều hành bổ nhiệm các viên chức tại Phủ. Trong những năm đầu của nhiệm kỳ Phó Tổng Thống còn có ảnh hưởng rất lớn đối với cả Chánh Phủ. Nhưng những năm sau của nhiệm kỳ, cũng vì thực tại chánh trị, vai trò của Phó Tổng Thống trở lại lu mờ, sự tương quan giữa Phủ Tổng Thống và Phủ Phó Tổng Thống không còn mật thiết như trước nữa.

II. - TƯƠNG QUAN GIỮA PHỦ TỔNG THỐNG VÀ PHỦ THỦ TƯỚNG :

Mối tương quan này đặc biệt quan trọng, có thể ảnh hưởng đến việc tồn vong của chế-độ. Ta biết, Thủ Tướng của Tổng Thống bổ nhiệm hay giải nhiệm. Thủ Tướng thi hành chánh sách của Tổng Thống và chịu trách nhiệm trước Tổng Thống.

Vì vậy mức độ thêm quyền của Thủ Tướng là tùy theo quan niệm của Tổng Thống. Trên thực tế, gần suốt hết nhiệm kỳ đầu, Tổng Thống đã trao rất ít quyền cho Thủ Tướng, Thủ Tướng chỉ được coi là một Tổng Trưởng trong lãnh vực Quốc-Gia, nên hoàn toàn tùy thuộc nơi Tổng Thống, chỉ biết chấp hành những quyết định, những chỉ thị của Tổng Thống, chỉ là một nhân vật thi hành mà không có quyền quyết định về thành phần chánh phủ cũng như về các kế-hoạch các chương trình của chánh phủ.

Ngoài ra, song song với Chánh phủ do Thủ Tướng lãnh-đạo, lại còn có một hệ thống chánh trị hay chuyên môn, làm việc trực-tiếp với Tổng Thống đó là các vị phụ-tá. Dưới thời Thủ Tướng Nguyễn-Văn-Lộc và Trần-Văn-Hương, các vị phụ tá này được coi ngang hàng với Bộ Trưởng. Dưới thời Thủ Tướng Trần thiện-Khiêm, các vị phụ tá được coi ngang hàng với Tổng Trưởng. Sự hiện diện của một hệ thống phụ tá này, làm cho nhiều người nghĩ tới một chánh phủ thứ 2 trong bóng tối, nhưng lại có thể lực hơn là Chánh phủ công khai, và lại cũng không chịu trách nhiệm gì trước Quốc Hội hay trước dư luận.

Như vậy, việc tập trung quyền hành vào tay Tổng Thống đã đi ngược lại ý-định của các nhà Lập Hiến 1967. Theo họ, việc đặt ra chức vụ Thủ Tướng là cốt tìm một nhân vật chịu trách-nhiệm sai lầm và bất lực, mà không làm mất uy tín của Tổng Thống.

III.- TƯƠNG QUAN NỘI-BỘ CỦA CHÍNH PHỦ :

Các nhân-viên Chính Phủ do Tổng Thống bổ nhiệm và chịu trách-nhiệm trước Tổng Thống. Các nhân viên Chính Phủ đảm trách trong phạm vi chuyên môn là Bộ, đặt dưới sự điều hợp của Thủ-Tướng. Các nhân viên chính phủ hiện nay gồm có Phó Thủ Tướng, Quốc vụ Khanh và các Tổng, Bộ và Thứ Trưởng.

Việc sinh-hoạt và điều hành chung của Nội Các được thể hiện qua các Hội Đồng Tổng Trưởng, Hội Đồng Nội Các và Hội Đồng Liên Bộ. Không có một sự qui định chính thức nào về sự điều hành của các Hội Đồng trên. Sự điều hành này có tánh cách linh động, thay đổi tùy theo mỗi giai đoạn, hoàn cảnh và tùy theo quan niệm làm việc của Thủ Tướng và Tổng Thống.

Tuy nhiên, trên thực-tế sự điều hành trên cũng : theo một số nguyên-tắc chung như :

Hội Đồng Tổng Trưởng do Tổng Thống chủ tọa, có Thủ Tướng và toàn thể nhân viên Chính Phủ cùng các vị phụ-tá đặc-biệt của Tổng Thống. Hội Đồng thảo luận đường lối, hoạch định kế hoạch thi hành và phối hợp công tác.

Hội Đồng Nội Các do Thủ Tướng chủ tọa, gồm toàn thể nhân viên chính phủ. Hội Đồng họp để kiểm điểm công tác, chuẩn bị cho Hội Đồng Tổng Trưởng.

Hội Đồng Liên Bộ do một vị Tổng Trưởng chủ tọa với sự chỉ-dịnh của Thủ-Tướng, gồm có Tổng, Bộ và Thứ Trưởng của các Bộ liên hệ. Hội Đồng Liên Bộ họp để phối hợp công tác trước một vấn-đề chung phải giải-quyết.

Các phiên họp của các Hội Đồng Tổng Trưởng, Hội Đồng Nội Các và Hội Đồng Liên Bộ có tính cách cơ bản, không nhất-định.

Tóm lại, trong sự điều hành nội bộ của cơ-quan Hành Pháp, Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng và các nhân viên chính phủ đã xử dụng quyền lập qui tùy theo vai trò, quyền hạn và trách vụ. Còn sự tương quan nội bộ giữa các cơ-quan Hành Pháp với nhau đều do tập tục và thực tại chính trị cấu-tạo nên

Đó là một đặc điểm trong sự điều hành của cơ-quan Hành Pháp so với các cơ-quan công quyền khác.

MỤC III : CƠ-QUAN TƯ PHÁP.

Sự điều-hành nội-bộ và tương quan giữa các cơ-quan tư pháp được xét qua : Tối Cao Pháp Viện và Hội Đồng Tham Phán.

I. - TỐI CAO PHÁP VIỆN :

Gồm 2 cơ-quan : Văn Phòng Tối Cao Pháp Viện và Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện, sự điều hành được qui định do Luật 007/68 ngày 3.9.1968 và Nội quy Tối Cao Pháp Viện ngày 22.11.1968

Văn Phòng Tối Cao Pháp Viện họp thường lệ mỗi tháng 4 lần, ngoài ra, còn có những phiên họp bất thường do Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện triệu tập. Mọi biểu quyết của Văn Phòng được thực hiện theo đa số quá bán tổng số tham phán hiện diện. Trong các phiên họp của Văn Phòng, Tổng Thư ký Tối Cao Pháp Viện sẽ giữ bút lục và lập biên bản nhưng không được quyền biểu quyết

Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện họp thường lệ mỗi tháng ít nhất 2 lần, và có thể họp bất thường nếu có sự yêu-cầu của Văn phòng hay 1/3 tổng số tham phán Tối Cao Pháp Viện. Phiên-họp được coi là họp lệ khi có quá bán tổng số tham Phán Tối Cao Pháp Viện tham dự, tức số này cũng thay đổi thành 2/3 hoặc 3/4 tổng số tham phán Tối Cao Pháp Viện tùy vấn đề cần xét.
Tức số để quyết định của Đại Hội Đồng có giá trị cũng thay đổi

- Quá bán tổng số, đối với những trường hợp thông thường .

- Đa số 3/4 tổng số tham phán Tối Cao Pháp Viện, đối với những trường hợp xét định về tánh cách hợp hiến hay bất hợp hiến các đạo luật, sắc luật, hoặc giải tán 1 chính đảng.

- Đa số 2/3 tổng số Tham Phán Tối Cao Pháp Viện khi xét vấn đề liên quan đến tham phán Tối Cao Pháp Viện.

Các quyết định của Đại Hội Đồng được thực hiện bằng cách bỏ thăm kín.

II.- HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN :

Mỗi tam cá nguyệt, Hội Đồng Thẩm Phán họp thường lệ một lần, và có thể họp bất thường nếu có sự triệu-tập của Chủ Tịch hoặc theo đề-nghị của 1/3 tổng số Hội Đồng Thẩm Phán.

Hội Đồng Thẩm Phán họp và biểu-quyết hợp lệ khi có sự hiện diện của 3/4 tổng số hội viên. Hội Đồng biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín và theo đa số tương đối, nội dung của phiên họp phải được giữ bí-mật. Trước khi Hội Đồng biểu quyết các biện pháp chế tài về kỷ-luật với Thẩm Phán xử án, các đương sự có quyền biện hộ bằng biện minh trạng, hoặc trực tiếp tại Hội Đồng.

III.- TƯƠNG QUAN NỘI-BỘ CỦA CƠ-QUAN TƯ-PHÁP :

Đó là tương quan giữa Tối Cao Pháp Viện và Hội Đồng Thẩm Phán, Tối Cao Pháp Viện quản trị các Tòa Án, và được hành xử bởi các Thẩm phán xử án, các vị này lại đặt dưới sự chỉ phối của Hội Đồng Thẩm Phán. Hội Đồng này đề-nghị bổ nhiệm thăng thưởng, chuyển-chuyên và chế tài về kỷ-luật các Thẩm phán xử án. Ngoài ra Hội Đồng Thẩm Phán còn làm cố-vấn cho Tối Cao Pháp Viện về tất cả các vấn-đề liên quan đến ngành Tư pháp nhưng quyền quyết định thuộc về Tối Cao Pháp Viện.

MỤC IV : CƠ-QUAN GIÁM SÁT.

Giám Sát Viện có 2 cơ-quan chính : Văn Phòng và Hội Đồng Giám Sát Viện. Việc điều hành được qui định do Luật 009/68 ngày 23.10.1968 và nội quy của Giám Sát Viện.

Điều hành Văn Phòng Giám Sát Viện qua các phiên họp do Chủ Tịch Giám Sát Viện triệu-tập và chủ tọa. Túc số được coi là hợp lệ của một phiên họp là quá bán tổng số nhân viên văn phòng Giám Sát Viện và quyết-định của Văn Phòng phải được đa số tương đối chấp thuận. Văn Phòng Giám Sát Viện phải họp kín

Hội Đồng Giám Sát Viện họp khoảng đại mỗi tháng một lần và không quá 6 ngày, và có thể họp bất thường nếu có sự yêu cầu của 1/3 tổng số Giám Sát. Về túc số để phiên họp được hợp lệ là quá bán tổng số Giám Sát, nếu không đủ túc số, 24 giờ

sau Hội Đồng sẽ họp họp lệ đủ số Giám Sát hiện diện phải quá 1/3 tổng số Giám Sát. Trong trường hợp đồng phiếu, Chủ Tịch Giám Sát Viện quyết-định. Hội Đồng Giám Sát Viện phải họp kín và được giữ bí mật.

Thế thức biểu quyết là giơ tay khi là vấn đề thường và bỏ phiếu kín khi vấn đề quan trọng hay cần phải bảo mật.

Ngoài ra, Luật số 009/68 và Nội Quy Giám Sát Viện cònán-định những thủ-tục Thanh Tra, Điều Tra và Kiểm soát kế-toán, cũng thủ tục phân xét các phúc trình.

Thủ tục Thanh tra, Điều tra và kiểm soát kế toán :

Giám Sát Viện có-quyền tự động và bất thần Thanh-tra, điều-tra và kiểm-soát kế-toán. Văn Phòng Viện chỉ-định các Giám Sát, ít nhất là 2 người trong một công tác. Trong trường hợp có lời đề-nghị của 1 hay nhiều vị Giám Sát, Văn Phòng sẽ cho mở cuộc Điều tra, Thanh tra và kiểm soát, và vị Giám Sát đề nghị sẽ được chỉ định phụ trách công tác liên hệ.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, các Giám Sát xử dụngthẩm quyền của mình. Vị chỉ-huy cơ-quan bị điều tra có nhiệm vụem trợ, cung cấp tài liệu nếu vị Giám Sát yêu-cầu. Các đương can hoặc nhân chứng có thể được mời trình diện Giám Sát Viện, nếu những vị này không tới có thể bị dẫn giải theo lệnh của Biện-ly cuộc sở tại chiếu theo lời yêu-cầu của Giám Sát Viện.

Khi thi hành nhiệm vụ, các vị Giám Sát không cóquyền đình chỉ hoạt-động của một cơ-quan, nhưng có thể tạm ngưng chức các nhân viên mọi cấp để tìm hiểu sự thật.

Trong trường hợp bị can phạm pháp quả tọng, các vị Giám Sát có quyền yêu-cầu Biện Lý cuộc sở tại tạm thời câu lưu người phạm pháp. Sau đó 24 giờ các Vị Giám Sát điều-tra phải phúc-trình nội-vụ lên Văn Phòng Giám Sát Viện và Hội Đồng Giám Sát Viện sẽ phúc quyết trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lệnh tạm câu lưu hay tạm ngưng chức được thi hành.

Kết thúc cuộc điều-tra, các vị Giám Sát đảm trách nội vụ phải phúc trình tổng kết nội vụ trong hạn 3 ngày tròn. Chạm

nhất là 7 ngày sau khi nhận được phúc trình nói trên, Chủ Tịch Giám-Sát-Viện phải triệu-tập Hội Đồng để nghe thuyết trình cuộc điều-tra, cùng thảo-luận và biểu-quyết các biện-pháp áp dụng.

Sau đó, Chủ Tịch Giám Sát Viện tùy trường hợp :

- Hoặc xếp hồ-sơ nội vụ,
- Hoặc chuyển hồ-sơ đến cơ-quan có thẩm quyền với đề nghị áp dụng các biện pháp chế tài hay đề nghị cải thiện tác-phong cũng như lễ lối làm việc của cơ-quan bị điều-tra. Cơ-quan này phải thông báo sự áp dụng các đề nghị lên Giám Sát Viện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề-nghị của Giám Sát Viện. Trong trường hợp biện pháp chế-tải về hình sự, Chủ Tịch Giám Sát Viện sẽ chuyển hồ-sơ sang Công-Tố Viện của Tòa-án có thẩm quyền để truy-tố đương sự, và đương sự sẽ bị truy-tố trong thời hạn 15 ngày kể từ khi Chủ Tịch Giám Sát Viện yêu cầu Công tố Viện thụ lý nội vụ.

Người bị điều-tra có quyền biện hộ trong bất cứ giai-đoạn nào, kể cả trước Hội Đồng Giám Sát Viện.

Các Quyết-định liên-quan đến kết-quả cuộc điều-tra của Hội-Đồng Giám Sát Viện phải được thông tri cho Tổng Thống, Quốc Hội và Tối Cao Pháp Viện.

Thủ tục phân xét các phúc trình thanh tra, điều tra và tham tra kế toán.

Hội Đồng Giám Sát Viện họp để phân xét các phúc trình thanh tra, điều tra và tham tra kế toán theo thủ tục như sau:

Một Vị Giám Sát hoặc thanh tra được ủy nhiệm thuyết trình kết-quả cuộc điều-tra cùng những đề-nghị.

Chủ-toạ cho mời đương can và luật sư của đương sự (nếu có) vào phòng họp và biện hộ. Sau đó các Giám Sát tham vấn đương can.

Rồi đương can, luật-sư biện-hộ và thuyết-trình viên ra khỏi phòng họp để Hội Đồng Giám Sát Viện thảo luận và biểu-quyết. Đương can được thông báo ngay sau khi có quyết-nghị.

Mọi diễn tiến của cuộc phân xét phải được ghi vào sổ nhật-ký của Hội Đồng Viện, Chủ tịch và Tổng Thư ký Giám Sát - Viện phải duyệt ký vào sổ nhật ký này vào cuối mỗi phiên họp.

MỤC V : ĐẶC BIỆT PHÁP VIỆN và CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Ngoài Giám Sát Viện ra, các định chế đặc biệt này trên thực tế rất ít nhóm họp và không có tánh cách liên-tục, cho nên việc điều-hành cũng hết sức đơn giản.

Đặc biệt Pháp Viện chỉ là một toà án đặc biệt, và nó có thêm quyền truất quyền các viên chức cao cấp của các cơ quan công quyền. Thủ tục truy tố trước Đặc Biệt Pháp Viện do Hiến-Pháp và Luật số 12/69 qui định :

- Đề-nghị khởi tố có viện dẫn lý-do phải được quá bán tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ ký tên. Quyết định khởi tố phải được đa số 2/3 tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ biểu quyết chấp thuận. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống đề-nghị khởi tố có viện dẫn lý-do phải được 2/3 tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ ký tên.

Quyết-ngị khởi tố phải được đa số 3/4 tổng số Dân Biểu và Nghị Sĩ biểu quyết chấp thuận.

- Dương sự phải đình chỉ nhiệm vụ từ khi Quốc Hội biểu quyết truy tố đến khi Đặc Biệt Pháp Viện phán quyết.

- Đặc Biệt Pháp Viện phán quyết truất quyền theo đa số 3/4 tổng số nhân viên. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải có đa số 4/5.

- Dương sự được quyền biện-hộ trong mọi giai-đoạn của thủ tục truy tố.

- Sau khi bị truất quyền dương sự có thể bị truy tố trước các Tòa án có thẩm quyền.

Riêng các Hội Đồng Tư Vấn, sự sinh hoạt của các Hội Đồng này không được liên tục. Các phiên-họp được triệu tập là do thực tại chánh trị và tình hình mà có. Trên thực tế các Hội Đồng này là những định chế không quan trọng vấn đề đặt ra là vấn đề tương quan giữa những cơ cấu định chế này với các cơ quan công quyền khác, đó là vai trò cơ bản của nó, nhưng các cơ-quan công quyền kia có quyền nghe hay không nghe theo những ý kiến của các Hội Đồng Tư vấn này.

Chương Hai

PHỐI HỢP VÀ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN

Điều 3 Hiến Pháp Việt-Nam Cộng Hoà ngày 01.4.1967 có ghi :
"Ba cơ-quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phối hợp và điều-hoà để thực hiện trật tự xã-hội và thịnh-vượng chung trên căn bản tự-do dân chủ và công-bình xã-hội".

Các cơ-quan công quyền được độc lập với nhau, nhưng không cô lập, các cơ-quan ấy phải phối hợp với nhau để cho guồng máy công quyền được hoạt-dộng điều-hoà, như những cơ-quan trong một guồng máy phải vận chuyển ăn khớp với nhau vậy.

Trên thực tế, sự phối hợp và tương quan giữa các cơ-quan công quyền đã thực hiện như thế nào để có thể mang tới trật tự xã hội và thịnh vượng chung trên căn bản tự-do dân chủ và công bình xã hội, mà hiến-pháp đã dự liệu?

Đó là nội-dung của Chương 2 này, dưới tiêu-đề Phối Hợp và Tương quan giữa các cơ-quan công quyền. Vì vậy trong chương này, lần lượt chúng tôi xét đến các vấn đề sau :

- MỤC I : Tương-quan giữa Hành Pháp và Lập Pháp
- MỤC II : Tương quan giữa Tối Cao Pháp Viện và các Cơ-quan công quyền khác.
- MỤC III : Tương quan giữa Giám Sát Viện và các cơ-quan công quyền khác.
- MỤC IV : Tương quan giữa các định chế đặc biệt và các cơ quan công quyền.

MỤC I : TƯƠNG-QUAN GIỮA CƠ-QUAN HÀNH PHÁP và LẬP PHÁP.

Đây là mối tương quan quan trọng nhất, theo đó người ta có thể đánh giá được chế-độ dân chủ, xem chế độ dân chủ có thực sự vững chắc và hữu hiệu không.

Mối tương quan giữa hai cơ-quan này là mối tương quan 2 chiều, có ảnh hưởng hỗ tương với nhau.

I. - ẢNH HƯỞNG CỦA CƠ-QUAN LẬP PHÁP ĐỐI VỚI CƠ-QUAN HÀNH PHÁP.

Sơ với thời Đệ I Cộng-Hòa, Hiến Pháp 01.4.1967 đã thiết lập một Quốc Hội có nhiều ảnh hưởng đối với cơ-quan Hành Pháp

Quốc Hội có thẩm quyền bác bỏ các khoản thu và chi của cơ-quan Hành Pháp trong khi thảo luận và biểu-quyết đạo luật Ngân Sách, có quyền không phê-chuẩn một hiệp ước hay một hiệp định quốc-tế do Hành Pháp phê chuẩn, có quyền không thảo luận một dự thảo luật do hành pháp đưa sang khi đồng thời có một dự án luật của Quốc Hội về cùng một vấn-đề.

Trong trường hợp đặc biệt, Quốc Hội có quyền quyết định về tình trạng năng lực của Tổng Thống khi bị bệnh tật trầm trọng. Quốc Hội cũng đề cử 5 đại biểu và 5 nghị sĩ vào Đặc Biệt Pháp Viện để xét xử Tổng Thống khi vị này can tội phạm quốc-chay các trọng tội khác.

Bên cạnh những quyền thông thường và đặc biệt trên, Quốc Hội còn có các thẩm quyền ảnh hưởng mạnh mẽ với Hành Pháp như quyền kiểm soát chánh phủ trong việc thi hành chánh sách Quốc Gia (điều 39).

Riêng Thượng Nghị Viện có quyền mở cuộc điều-trave sự thi-hành chánh sách Quốc Gia và yêu-cầu các cơ-quan công-quyền xuất trình các tài-liệu cần thiết cho cuộc điều-tra.

Quyền quan trọng và ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của Quốc Hội đối với Hành pháp là quyền khuyến cáo để thay thế một phần hay toàn thể chánh phủ.

Điều 42 Hiến Pháp 01.4.71 qui định rằng Quốc Hội có quyền khuyến-cáo thay thế từng phần hay toàn thể Chính Phủ với đa-số 2/3 tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ. Nếu Tổng Thống không có lý-do đặc biệt để khước từ sự khuyến-cáo sẽ có hiệu lực. Trong trường hợp Tổng Thống khước từ, Quốc Hội có quyền chung quyết sự khuyến-cáo với đa số 3/4 tổng-số Dân Biểu và Nghị Sĩ. Sự khuyến-cáo sau này của Quốc Hội có hiệu lực kể từ ngày chung-quyết.

THỦ-TỤC KHUYẾN CÁO :

Theo tinh thần trên thì sự khuyến cáo phải được thực-hiện bằng một phiên họp khoáng đại lưỡng viện. Nhưng, theo Nội quy của mỗi Viện lại ấn định một thủ tục riêng cho mình, hai thủ tục khuyến-cáo của 2 viện qui định không được đồng nhất, nhiều chỗ lại còn mâu thuẫn nhau.

A. - THEO NỘI QUY CỦA HẠ NGHỊ VIỆN :

1/3 tổng-số dân biểu có quyền đề-nghị khuyến-cáo, và quyết-nghị khuyến-cáo phải hội đủ 2/3 tổng-số dân biểu, Chủ-Tịch Hạ Nghị Viện thông tri quyết-nghị cho Tổng Thống trong vòng 24 giờ sau cuộc biểu quyết, đồng thời gửi văn thư yêu cầu Chủ Tịch Thượng Nghị Viện đưa vấn đề khuyến cáo ra thảo luận trước Thượng Viện.

Nếu sự khuyến cáo khởi đầu ở Thượng Viện. Sau khi tiếp nhận Chủ Tịch Hạ Nghị Viện sẽ thông tri cho toàn thể Dân Biểu đồng thời giao cho Ủy-Ban liên hệ cứu xét và phúc trình trước Viện. Viện sẽ thảo luận và chấp thuận quyết-định này nếu hội đủ 2/3 tổng số Dân biểu. Sau đó, Chủ Tịch Hạ Nghị Viện thông-tri quyết nghị của Viện cho Tổng Thống, đồng thời thông báo cho Thượng Viện.

Trong trường hợp Tổng Thống khước từ khuyến cáo, Chủ-Tịch Hạ Nghị Viện sẽ liên lạc với Chủ Tịch Thượng Nghị Viện để tìm giải-pháp.

B. - THEO NỘI QUY CỦA THƯỢNG NGHỊ VIỆN :

Tối thiểu 15 Nghị Sĩ có quyền đề-nghị khuyến cáo, và

quyết- nghị khuyến- cáo phải hội đủ 2/3 tổng- số Nghị sĩ. Chủ Tịch Thượng Nghị Viện gửi văn thư yêu cầu Chủ Tịch Hạ Nghị Viện đưa văn đề khuyến- cáo ra thảo luận trước Hạ Nghị Viện. Sau khi Hạ Viện biểu quyết, Chủ Tịch Hạ Nghị Viện thông tri cho Chủ Tịch Thượng Nghị Viện. Rồi Chủ Tịch Thượng Nghị Viện thông báo cho Tổng Thống và Thống tri cho Thủ Tướng.

Nếu sự khuyến- cáo khởi đầu ở Hạ Viện, rồi được gửi tới Thượng Viện. Chủ Tịch Thượng Nghị Viện thông tri cho các Nghị sĩ và đồng thời giao cho Ủy Ban liên hệ để cứu xét và phúc- trình. Viện sẽ thảo luận và chấp nhận quyết định này nếu hội đủ 2/3 tổng số Nghị sĩ. Sau đó, Chủ Tịch Thượng Nghị Viện thông tri quyết nghị của Viện cho Chủ Tịch Hạ Nghị Viện, thông báo cho Tổng Thống và Thống tri cho Thủ Tướng.

Tổng Thống sẽ gửi thông điệp cho Chủ Tịch Thượng Nghị Viện biết khuyến- cáo có được Tổng Thống chấp nhận hay không. Chủ Tịch Thượng Nghị Viện sẽ thông tri cho các Nghị sĩ trong vòng 24 giờ sau.

Nếu khuyến- cáo bị Tổng Thống khước từ, Chủ Tịch Thượng Nghị Viện sẽ triệu- tập Thượng Viện chậm nhất là 3 ngày sau, nếu Thượng Viện chung quyết khuyến cáo với 3/4 tổng số Nghị sĩ Chủ Tịch Thượng Nghị Viện sẽ thông báo chung quyết này cho Tổng Thống và Chủ- Tịch Hạ Nghị Viện sau 24 giờ.

Cuối cùng chung quyết tại Hạ Viện được Chủ Tịch Hạ Nghị Viện thông báo cho Chủ Tịch Thượng Nghị Viện, nếu chung quyết cũng đủ 3/4 tổng số Dân Biểu.

Chủ Tịch Thượng Nghị Viện thông báo cho Tổng Thống quyết nghị khuyến cáo của Quốc Hội.

Qua 2 thủ tục khuyến cáo được ghi trong 2 bản Nội quy của Thượng và Hạ Nghị Viện, không được đồng nhất và đôi khi còn mâu thuẫn nhau nữa.

- Cả hai Viện đều có quyền khởi đầu khuyến cáo.
- Theo Nội quy Hạ Viện, Viện nào thi hành giai đoạn cuối của thủ tục khuyến cáo sẽ có bốn phần thông báo cho

Tổng Thống. Ngược lại, Nội quy Thượng Viện cho rằng việc thông báo cho Tổng Thống phải thuộc ưu quyền của Thượng Viện, cũng như Thượng Viện có ưu quyền chung-quyết trước Hạ Viện trong trường hợp sự khuyến cáo bị Tổng Thống khước từ.

- Về số Dân Biểu và Nghị Sĩ có quyền yêu-cầu khuyến cáo Hạ Viện phải có 1/3 tổng số Dân Biểu, còn Thượng Viện phải có 15 Nghị Sĩ tức chỉ có 1/4 tổng số Nghị Sĩ.

Trên thực tế, các Dân Biểu và Nghị Sĩ thường vắng mặt, nên đa số 2/3 và 3/4 khó có thể đạt tới. Hơn nữa, cũng có những Dân Biểu và Nghị Sĩ ủng hộ chánh quyền hoặc bị mua chuộc, nên công việc khuyến cáo của Quốc Hội gặp khó khăn vô cùng.

Tuy nhiên, với thẩm quyền khuyến cáo Quốc Hội cũng đã tạo những áp lực chánh trị mạnh mẽ đối với chánh phủ. Mỗi khi Quốc Hội đặt vấn đề bất tín nhiệm chánh phủ, đưa ra Quốc Hội thảo luận về vấn đề này sẽ làm giảm uy-tín của chánh phủ rất nhiều. Nếu mức độ bất tín nhiệm quá lớn, dù Quốc Hội chưa sử dụng nổi quyền khuyến cáo, thì Tổng Thống cũng có thể thay thế nhân viên hay toàn thể chánh phủ để giữ uy tín như trường hợp Bác Sĩ Phan Quang Đán, Quốc Vụ Khanh kiêm Tổng Trưởng chiếu hội đã tuyên-bố chấp nhận nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng. Quốc Hội đã đặt vấn đề bất tín nhiệm và đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự cách chức vị Bác Sĩ Tổng Trưởng này.

Bên cạnh thẩm quyền khuyến cáo này, Quốc Hội còn có thẩm quyền chất vấn chánh phủ. Thực ra thẩm quyền chất vấn là thẩm-quyền tiên khởi trước khi Quốc Hội bước sang một giai-đoạn quyết liệt và có nhiều hậu quả pháp lý hơn là quyền khuyến cáo.

Quốc Hội có quyền yêu-cầu các nhân viên chánh phủ tham dự các phiên họp của Ủy Ban để trình bày về các vấn đề liên-quan đến Bộ Sở quan. Ngoài ra, Quốc Hội còn có quyền yêu cầu Thủ Tướng hay các nhân viên chánh phủ ra trước Viện sở quan để trả lời các câu chất vấn về sự thi hành chánh sách Quốc Gia theo thủ tục như sau :

THỦ TỤC CHẤT VẤN :

Điều 40 Hiến Pháp 1967 qui định : "Mỗi Viện Quốc Hội với

1/3 tổng số Dân Biểu hay Nghị Sĩ có quyền yêu-cầu Thủ tướng hay nhân-viên chánh phủ ra trước Viện Sở quan để trả lời các câu chất vấn của Dân Biểu hay Nghị Sĩ về sự thi hành chánh sách quốc gia.

Nếu đủ túc số trên, Dân Biểu hay Nghị Sĩ làm thành kiến nghị ghi rõ câu chất vấn và danh sách dân biểu hay Nghị Sĩ kèm theo văn thư có viện dẫn lý-do đệ nạp tại Văn Phòng Viện.

- Chậm nhất là 3 ngày sau khi nhận được kiến nghị Chủ Tịch Hạ Viện sẽ gửi văn thư yêu-cầu Thủ Tướng hay nhân viên Chánh phủ ra trước Viện để trả lời các câu chất vấn trong một phiên họp do Hội Đồng Nghị Trình ấn định, đồng thời Chủ Tịch Viện cũng gửi văn thư thông báo cho Tổng Thống.

- Tại Thượng Viện, văn thư ghi câu chất vấn phải đệ nạp tại Văn Phòng ít nhất là 7 ngày trước buổi họp chất vấn. Chủ Tịch Thượng Viện sẽ chuyển văn thư tới Thủ Tướng và gửi Thông điệp thông báo cho Tổng Thống và thông tri cho các Nghị Sĩ.

Buổi họp chất-vấn :

- Tại Hạ Viện : sau khi Thủ Tướng hay nhân viên chánh phủ trình bày, các Dân Biểu có quyền lên đặt câu hỏi nhưng không được quyền đưa đề-nghị với phái đoàn chánh phủ.

- Tại Thượng Viện : Trong buổi họp chất vấn nếu các Nghị Sĩ muốn đặt các câu hỏi phụ liên quan đến vấn đề chất vấn phải nạp cho Chủ Toạ để trao cho Thủ Tướng hay nhân viên Chánh phủ trả lời.

Nếu trường hợp Thủ Tướng hay nhân viên Chánh phủ không thể đến được vào buổi họp đã được dự định, phải thông báo cho Quốc Hội biết lý-do và cho biết sẽ đến Quốc Hội vào buổi họp kế cận nào khác.

Trường hợp nếu đến buổi họp đã định mà Thủ Tướng hay nhân viên chánh phủ không tới trả lời, Quốc Hội sẽ biểu quyết hoặc bỏ qua cuộc chất vấn hoặc không thoả mãn sự vắng mặt, nếu biểu quyết không thoả mãn sẽ được Chủ Tịch Viện thông báo cho Tổng Thống và cho Chủ Tịch Viện sở quan.

. Quốc thảo luận và biểu quyết về quốc chất vấn tại Quốc Hội chỉ diễn ra sau khi phái đoàn chánh phủ rời phòng họp, và quốc biểu quyết được thực hiện sau đó.

Chủ Tịch Viện sẽ thông báo cho Tổng Thống và chánh phủ về kết quả quốc biểu quyết.

Tóm lại, với thẩm quyền chất vấn, các Dân Biểu và Nghị Sĩ đã nhiều lần xử dụng với các nhân viên chánh phủ có nhiều nhân viên chánh phủ bị chất vấn liên miên, làm người tacó cảm tưởng Quốc Hội tìm cách hạ uy-tín và lật đổ chánh phủ, hơn là nghĩ đến việc kiểm soát chánh phủ trong việc thi hành chánh sách Quốc Gia.

Hơn nữa có những vụ không quan trọng, các Dân biểu và Nghị Sĩ cũng đòi chất vấn Thủ Tướng và nhân-viên chánh phủ. Ngoài ra trong khi chất vấn các Dân Biểu và Nghị Sĩ dùng những lời lẽ, hành động làm mất vẻ trang trọng của phiên họp, đã khiến cho sự hợp tác giữa Lập pháp và Hành pháp nhiều khi làm mất chủ đích của các nhà Lập hiến 1967, là sự hợp tác và điều hoà để thực hiện trật tự xã-hội và thịnh vượng chung trên căn bản tự-do dân-chủ và công bình xã-hội.

II. - ẢNH HƯỞNG CỦA CƠ QUAN HÀNH PHÁP ĐỐI VỚI CƠ QUAN LẬP PHÁP :

Quyền hành pháp được quốc dân ủy nhiệm cho Tổng Thống. Trong mối tương quan với cơ quan Lập pháp, ngoài những sự hợp tác thông thường giữa hai cơ quan, Tổng Thống có thể xử dụng một số thẩm quyền của mình để ảnh hưởng đến cơ quan lập pháp.

Tổng thống tiếp xúc với Quốc Hội bằng Thông Điệp. Vào mỗi khoá họp thường lệ và mỗi khi thấy cần, Tổng Thống thông báo cho Quốc Hội biết tình hình Quốc Gia và chánh sách đối nội đối ngoại của chánh phủ.

- Tổng thống có quyền đề-nghị các dự thảo luật.

- Tổng thống có quyền yêu- cầu triệu-tập các khoá họp bất thường của Quốc Hội.

- Tổng thống ký kết và sau khi được Quốc Hội phê chuẩn ban hành các Hiệp ước, và Hiệp định quốc tế.

- Tổng Thống bổ nhiệm với sự chấp thuận của Thượng Nghị Viện : các Trưởng nhiệm sở ngoại giao và Viện Trưởng các Viện Đại Học...

Trên thực tế, những thẩm quyền trên được sử dụng bình thường và không có tính cách quan trọng đặc biệt trong mối tương quan giữa hành pháp và lập pháp. Riêng có một thẩm quyền đặc biệt quan trọng của Tổng Thống ảnh hưởng mạnh mẽ đến cơ quan lập pháp và làm cân cân tương quan giữa 2 cơ quan này chênh lệch hẳn trên mặt thực tế, đó là quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều-khoản của dự luật đã được Quốc Hội biểu quyết.

QUYỀN YÊU CẦU PHÚC NGHỊ CỦA TỔNG THỐNG :

Quyền phúc-nghị của Tổng Thống về dự luật Ngân sách đã gây ra sôi nổi và tranh chấp giữa Hành Pháp và lập pháp. Phản quyết của Tối Cao Pháp Viện ngày 31.1.1969 đã phản xử và công nhận quyền này ở đây chúng tôi chỉ xét qua quyền phúc-nghị nói chung của Tổng Thống.

Tổng Thống, Nghị Sĩ và Dân Biểu đều có sáng quyền lập pháp. Tổng Thống có quyền đề-nghị dự thảo luật, và dân biểu cùng Nghị sĩ có quyền đề-nghị dự án luật, gọi chung là dự luật.

Sau thủ tục chung quyết dự luật của Quốc Hội, bản văn dự luật được xem là chung quyết được chuyển sang Tổng Thống trong thời hạn 3 ngày tròn để Tổng Thống ban hành.

Tuy nhiên, trong thời hạn ban hành, Tổng Thống có quyền gọi thông điệp có viện dẫn lý-do để yêu-cầu Quốc-Hội phúc nghị một hay nhiều điều-khoản của dự luật, khi có lời yêu-cầu phúc-nghị của Tổng Thống, Quốc Hội sẽ họp khoáng đại lưỡng Viện để chung quyết dự luật với đa số quá bán tổng số dân biểu và Nghị sĩ. Nếu Quốc Hội chung quyết bảo bỏ lời yêu-cầu phúc-nghị của Tổng Thống dự luật đương nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng Thống để ban hành.

Thời hạn ban hành được qui định ở điều 44 là 15 ngày tròn kể từ ngày Tổng Thống tiếp nhận dự luật hay 7 ngày tròn nếu gặp trường hợp khẩn cấp do Quốc Hội tham định.

Trên thực tế, điều 45 Hiến Pháp đã gây nhiều sôi nổi không được rõ rệt. Bởi vậy có nhiều lối giải thích về sự kiện này.

Ở đây chúng tôi chỉ xét đến lối giải thích của cơ quan hành pháp, vì theo quan-niệm đó mà hành pháp đã theo để gây ra nhiều ảnh hưởng với cơ-quan lập pháp :

"Trong một phiên họp khoảng đại lượng viện để chung quyết Dự luật do Tổng Thống yêu-cầu phúc nghị nếu Quốc Hội bác bỏ lời yêu-cầu ấy với đa số quá bán tổng số dân-biểu và Nghị sĩ dự luật đương nhiên thành luật. Nếu Quốc Hội không hội đủ đa số quá bán để bác bỏ lời yêu-cầu phúc- nghị thì quan điểm của Tổng Thống được xem là chung quyết và dự luật tự chính bởi Tổng Thống đương nhiên thành luật".

Với lối giải thích này, đã cho phép Tổng Thống làm ra luật với một thiểu-số Dân biểu và Nghị sĩ tại Quốc Hội, quyền lập pháp đã thực sự rời khỏi Quốc Hội để lọt vào tay Tổng Thống và làm gây đổ thế quân-bình giữa 2 cơ-quan Hành pháp và lập pháp.

Trên thực tế, mỗi khi Tổng Thống sử dụng quyền phúc nghị tại Quốc Hội thì phần thắng luôn luôn về Tổng Thống, vì Quốc Hội không đạt được quá bán tổng số dân biểu và Nghị sĩ để bác bỏ hay chấp thuận quan điểm của Tổng Thống, dù rằng số phiếu biểu quyết của tổng số dân biểu và nghị sĩ hiện diện đã thể hiện rõ rệt quan điểm chấp thuận hay bác bỏ đề- nghị của Tổng Thống.

Đó cũng là vì số dân biểu và Nghị sĩ vắng mặt quá cao trong các phiên họp khoảng đại lượng Viện, trường-hợp như tất cả số dân biểu và Nghị sĩ đều chống đề- nghị của Tổng Thống trong phiên họp biểu quyết các điều 5, 8c và điều 11 của Luật Tổng Động Viên. Nhưng tổng số dân biểu và Nghị sĩ không đủ thiểu số, cho nên đề- nghị của Tổng Thống vẫn đương nhiên thành luật.

Tóm lại, với lối giải thích điều 45 trên đã dành cho Tổng Thống một ưu thế rõ rệt so với Quốc Hội ngay trong công tác lập pháp. Lối giải thích và áp dụng này đã trái hẳn nguyên-tắc phân nhiệm và phân quyền được ghi trong Hiến pháp.

Cũng có nhiều lối giải thích điều 45 Hiến Pháp cũng như các cuộc tranh chấp giữa hai cơ quan lập pháp và hành pháp. Sau qua tới Tối Cao Pháp Viện, và cơ quan này đã phán quyết phù hợp với lối giải thích của cơ quan Hành pháp (phán quyết ngày 13.6.1969).

Như vậy Hành pháp vẫn tiếp tục làm luật với một thiểu số Dân biểu và Nghị sĩ, quyền lập pháp vẫn tiếp tục rơi khỏi Quốc Hội để chuyển sang Hành Pháp và làm mất thế quân bình giữa 2 cơ quan Lập pháp và hành pháp.

Với quyền phúc-nghị này, Hành Pháp đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Quốc Hội ngay trong công tác lập pháp vậy.

MỤC II : TƯƠNG-QUAN GIỮA TỐI-CAO PHÁP-VIÊN VÀ CÁC CƠ-QUAN CÔNG-QUYỀN.

Trên thực-tế, trong sự điều hành và tương quan giữa các cơ-quan công quyền, đôi khi xảy ra những tranh chấp và bất đồng chung quanh những điều-khoản không được Hiến Pháp qui định một cách rõ ràng. Những tranh chấp đó đều đưa đến Tối Cao Pháp Viện để phán định.

Tối Cao Pháp Viện giữ vai trò bảo hiến trong việc giải quyết các tranh chấp giữa cơ-quan Hành pháp với Lập pháp, hoặc giữa Thượng Nghị Viện với Hạ Nghị Viện. Để hiểu rõ về mối tương quan giữa Tối Cao Pháp Viện và các cơ quan công quyền cần phải xét qua vài Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện từ trước tới nay rồi mới có thể tham xét được thực trạng của cơ quan này.

- 1/- Phán quyết ngày 13.6.1969 về quyền yêu-cầu phúc-nghị dự luật của Tổng Thống (liên quan đến Điều 45 Hiến Pháp).

Tóm lược nội vụ :

Theo Điều 45 Hiến Pháp, Tổng Thống có quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của một dự luật. Trong trường hợp này Quốc Hội sẽ họp khoáng đại lưỡng Viện để chung-quyết dự luật với đa số quá bán. Hậu quả của việc áp-dụng Điều 45 Hiến Pháp là có thể có những đạo luật được ban hành mà không do Quốc-Hội chấp thuận (tổng số phiếu bác bỏ nhiều hơn tổng số

phiếu chấp thuận, nhưng quan điểm của Tổng Thống vẫn thẳng về số thăm bác bỏ không được quá bán).

Do đó một số Nghị sĩ đặt vấn đề với Tối Cao Pháp Viện để xin giải thích Điều 45 Hiến Pháp.

Phản quyết của Tối Cao Pháp Viện :

Quốc Hội phải biểu-quyết trước về hình thức. Nếu số thăm bác bỏ về hình thức lời yêu-cầu phúc nghị của Tổng Thống quá bán tổng-số, Nghị sĩ và Dân biểu thì quan điểm của Tổng Thống bị bác bỏ. Nếu số thăm bác bỏ về hình thức không được quá bán thì Quốc Hội sẽ biểu quyết về nội dung, và chỉ sau cuộc biểu quyết về nội dung mới biết quan điểm của Tổng Thống được chấp thuận hay không.

2/- Phản quyết ngày 31.1.1969 về quyền yêu-cầu phúc-nghị của luật Ngân sách của Tổng Thống (liên quan đến điều 45 Hiến pháp).

Tóm lược nội vụ :

Ngân sách Quốc Gia tài khoá ngày 1969 được Hành pháp dự trù là 130 tỷ. Hạ Viện sau khi thảo luận và biểu quyết đã chấp thuận kết số 130 tỷ do Hành pháp đề-nghị. Khi dự thảo luật tới Thượng Viện thì một số ngân khoản bị cắt xén, khiến cho kết số của Ngân sách từ 130 tỷ xuống còn 128 tỷ 600 triệu. Vì không hội đủ đa số 2/3 để chung quyết theo lập trường của Thượng Viện và dự luật Ngân sách được chuyển đến Tổng Thống để ban hành.

Tổng Thống do Thông điệp ngày 09.1.69 yêu-cầu Quốc Hội phúc-nghị lại dự luật Ngân sách và xin giữ nguyên số ngân khoản dự trù là 130 tỷ.

Một số nghị sĩ (22 vị) gửi văn thư đến Tối Cao Pháp Viện để yêu-cầu Tối Cao Pháp Viện cho biết, chiếu Hiến pháp Tổng Thống có quyền yêu-cầu Quốc Hội phúc nghị dự luật Ngân sách hay không ?

Phản quyết của Tối Cao Pháp Viện :

Tổng Thống có quyền yêu-cầu Quốc Hội phúc nghị dự luật Ngân sách, tự ý đối với một hay nhiều chương mục Ngân sách thuộc

Hành pháp và theo sự yêu-cầu của các quyền độc lập khác đối với các chương mục Ngân sách thuộc các quyền này.

3/- Phán quyết ngày 24.3.1969 về thủ tục chấp thuận cho truy tố Dân biểu (Liên quan đến Điều 37 Hiến Pháp).

Tóm lược nội vụ :

Điều 37 khoản 2 Hiến Pháp có nói rằng ngoại trừ trường hợp quả tang phạm pháp, không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một Dân biểu hay Nghị sĩ nếu không có sự chấp thuận của 3/4 tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ.

Để có thể truy tố Dân biểu Trần-Ngọc-Châu bị Hành Pháp tố-cáo là có liên lạc với Cộng sản, một kiến nghị mang chữ ký của 103 Dân biểu được lập ra để chấp thuận cho truy tố Dân biểu Trần Ngọc Châu, nhưng 46 Dân biểu khác lại cho rằng kiến nghị đó bất hợp hiến và gửi vận thư đến Tối Cao Pháp Viện để xin giải thích Điều 37 khoản 2 Hiến Pháp.

Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện :

Sự chấp thuận của 3/4 tổng-số Dân Biểu hay Nghị sĩ được đề-cập đến trong Điều 35 khoản 2 Hiến Pháp phải là kết quả của một cuộc thảo luận và biểu quyết trong một phiên họp khoáng đại của Viện Sĩ quan.

4/- Phán quyết ngày 29.4.1970 về Tòa án quân-sự Mặt Trận (liên quan đến Điều 7, 76, 77 và 78 Hiến Pháp).

Tóm lược nội-vụ :

Sinh viên Huỳnh-Tấn-Mầm bị đưa ra xét xử tại Tòa Án quân-sự mặt trận. Dương sự nãp 2 khúc biện sau đây cho Tối Cao Pháp Viện :

1)- Sắc luật số 11/62 ngày 21.5.62 thiết lập Tòa Án quân-sự Mặt Trận là bất hợp hiến.

2)- Trục tố lệnh của Bộ Quốc Phòng ngày 14.3.70 bất hợp hiến và bất hợp pháp.

Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện :

1)- tuyên-bố bất hợp hiến của các Điều 3, 4, 5, 9, 12 và 13 đoạn 1 của Sắc luật số 11/62 ngày 21.5.62 tổ chức các toà án mặt trận (vi-phạm các Điều 76, 77 và 78 Hiến Pháp).

2)- tuyên-bố bất hợp hiến quyết-định truy-tố của ông Tổng-trưởng Quốc Phòng (vì đã căn cứ vào các Biên bản của Cảnh sát ghi nhận những lời thú-tội của đương-nhận vì bị tra tấn, đọa đày cường-bách, nghĩa là vi-phạm Điều 7 khoản 4 của Hiến Pháp).

5/- Phán quyết ngày 5.5.1970 về vụ án Trần Ngọc Châu (liên quan đến Điều 37, 76, 77, 78 Hiến Pháp).

Tóm lược nội vụ :

Dân biểu Trần Ngọc Châu bị toà án Quân sự Mặt Trận tuyên phạt 10 năm khổ sai vì tội liên lạc với Cộng Sản. Đương-nhận nộp khiếu kiện lên Tối Cao Pháp Viện để xin tuyên pháp bất hợp hiến :

- 1)- Sắc luật số 11/62 thiết-lập các Toà Án Quân-sự Mặt trận.
- 2)- Quyết-định truy-tố của Bộ Quốc Phòng
- 3)- Lệnh tổng giam ngày 19.2.70 của Tổng Trưởng Quốc-Phòng.

Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện :

- 1)- Tuyên-bố bất hợp hiến các Điều 3, 4, 5, 9, 12 và 13 đoạn 1 của Sắc luật 11/62.
- 2)- Tuyên-bố bất hợp hiến quyết-định truy tố Trần-Ngọc Châu.
- 3)- Không xét xử việc tiêu-hủy bản án ngày 2.3.70 của Tổng Trưởng Quốc Phòng vì vấn đề này thuộc thủ tục phá án.

6/- Phán quyết ngày 5.5.1970 về Nghị-định số 1569 ngày 23.10.1969 về thuế Kiểm ước (thủ tục kiểm pháp).

Tóm lược nội vụ :

Công-dân Nguyễn-Văn-Chức nộp đơn khởi tố tại Tối Cao Pháp Viện để xin phán quyết tính cách bất hợp pháp của Nghị-định

số 1569 ngày 23.10.1969 gia tăng thuế suất thuế kiễm ước.

Phản quyết của Tối Cao Pháp Viện :

Tuyên bố bất hợp pháp với hậu quả luật định, nghị-định số 1569 ngày 23.10.1969 của liên Bộ Kinh-tế - Tài-chánh căn cứ vào Điều 4 của Sắc Luật số 20/61 ngày 29.12.61. Sắc luật này đã căn cứ vào Sắc luật ủy quyền số 13/61 ngày 19.10.61, nhưng Sắc luật số 13/61 đã đương nhiên hết hiệu lực sau thời gian 1 năm kể từ ngày ban hành. Sắc luật số 20/61, căn cứ vào Sắc luật ủy quyền 13/61, không thể còn hiệu lực sau thời hạn 1 năm. Nghị định số 1569 đã căn cứ vào một sắc luật hết hiệu lực, thì không thể hợp pháp).

Nhận xét chung những phản quyết của Tối Cao Pháp Viện chúng tôi nhận thấy Tối Cao Pháp Viện đã tỏ ra quá dễ dặt trong một vấn-đề trọng đại là vấn đề giải thích Hiến pháp, nên có nhiều phản quyết không rõ ràng, không dứt khoát. Tuy nhiên, có vài phản quyết của Tối Cao Pháp Viện hết sức rộng rãi và dứt - khoát như phản quyết ngày 5.5.70 về vụ Trần-Ngọc-Châu chẳng hạn.

MỤC III : TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁM SÁT VIỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN.

Tham nhũng và lạm dụng quyền thế vẫn là một ung nhọt cố hữu của Xã-hội Việt-Nam, hơn nữa vì đang trong tình trạng chiến tranh, những ung nhọt đó lại càng khó trị và trầm trọng hơn.

Đó cũng là lý-do mà những nhà Lập Hiến 1967 đã coi Giám sát như một quyền thứ tư, đã hoạch định thiết-lập Giám Sát Viện có mục đích diệt trừ nạn tham nhũng và lạm dụng quyền thế.

Là một cơ-quan được độc lập và ngang hàng với các cơ - quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, Giám Sát Viện phải phối - hợp với các cơ-quan trên để làm tròn nhiệm-vụ của mình.

Sự hợp tác đầu tiên trong việc chỉ-định các vị Giám Sát Ta biết Giám Sát Viện gồm 18 vị Giám Sát :

- 1/3 do Tổng Thống tự ý lựa chọn trong nhiệm-kỳ đầu
- 1/3 do Quốc Hội và 1/3 do Tối Cao Pháp Viện tuyển - chọn bằng hình thức bầu cử.

Với số đại-diện đồng đều của 3 cơ quan này trong Giám-Sát Viện, có thể cho Giám Sát Viện hợp tác chặt chẽ với Hành-Pháp, Lập pháp và Tư pháp, cũng như giữa 3 cơ-quan này với nhau trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

- Sự công tác giữa Giám Sát Viện và Quốc Hội được thể hiện trong kỹ-thuật điều-tra những sự lạm quyền của Hành pháp. Có điều đáng chú ý là trong khi các Ủy Ban điều-tra thuộc Quốc Hội chú trọng về chính sách Quốc Gia nói chung, thì Giám Sát Viện phụ trách điều-tra các nhân viên chấp hành chính sách Quốc Gia.

- Sự cộng tác giữa Giám Sát Viện và cơ quan Hành-pháp: cũng nên ghi nhận rằng nếu viên chức bị điều-tra chỉ phạm lỗi về công-vụ hay về Hành Chánh thì Giám Sát Viện chỉ cần giao hồ sơ nội vụ cho cơ-quan hành-chánh liên hệ để tùy nghi thi hành những biện-pháp chế-tải về kỷ-luật như sa-thải, kết khiển và buộc đương sự phải bồi hoàn công quỹ.

- Cộng tác giữa Giám Sát Viện và Tối Cao Pháp Viện được thể hiện trong kỹ thuật truy-tố các nhân viên công quyền vi phạm các tội-trạng hình sự như biển thủ công quỹ, hối mại quyền thế

Mối tương quan lại càng thể hiện rõ ràng khi Giám Sát Viện đề-nghị những biện-pháp chế-tải. Giám Sát Viện có quyền đề nghị các cơ-quan có thẩm quyền áp dụng các biện-pháp chế tải về kỷ-luật đối với các nhân viên trực thuộc phạm lỗi hoặc đề nghị các biện pháp cải thiện tác phong của các nhân viên và lễ lối làm việc của các cơ-quan bị thanh tra hoặc điều tra. Trong trường hợp Hội Đồng Viện quyết-định chế tải về kỷ-luật, Chủ Tịch Giám Sát Viện sẽ chuyển hồ-sơ nội vụ đến các giới chức với các đề-nghị thích nghi :

- Tổng Thống : đối với nhân viên thừa hành cấp Tổng, Bộ Thủ Trưởng, Tham phán Công tố, Tỉnh Trưởng và Sĩ-quan cấp Tướng

- Chủ Tịch Thượng Viện : đối với Nghị sĩ và nhân viên trực thuộc Thượng Viện.

- Chủ Tịch Hạ Viện : đối với dân biểu và nhân viên trực thuộc Hạ Viện.

- Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện : đối với thẩm phán xử án và nhân viên trực thuộc.

- Thủ Tướng Chính phủ : đối với cáo đại diện dân-cử cấp Tỉnh, xã và nhân-viên Hành pháp từ cấp Tổng Giám Đốc, Quận Trưởng và Sĩ-quan cấp Tá trở xuống.

Trong trường hợp Hội Đồng Giám Sát Viện quyết-định chế tài về hình sự đối với người phạm pháp. Chủ Tịch Giám Sát Viện sẽ chuyển giao hồ-sơ đến công tố viện của Tòa án có thẩm quyền để yêu-cầu truy tố đương sự, đồng thời thông-báo cho vị chỉ huy của nhân-viên bị truy tố tùy theo cấp bậc của đương sự.

Các quyết nghị liên quan đến kết-quả những cuộc điều tra, thanh tra và kiểm soát kế toán của Hội Đồng Giám Sát Viện phải được thông-tri cho Tổng Thống, Quốc Hội và Tối Cao Pháp Viện.

Xem như vậy, Giám Sát Viện có chu toàn được nhiệm-vụ bài trừ tham nhũng hay không, là do mức độ hợp tác của các cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp với Giám Sát Viện vậy.

MỤC IV : TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT VÀ CÁC CƠ QUAN CÔNG QUYỀN.

Ngoài Giám Sát Viện ra, các định chế đặc biệt còn có Đệ o Biệt Pháp Viện và các Hội Đồng Tư Vấn.

- Mối tương quan giữa Đặc Biệt Pháp Viện và các cơ quan công quyền chỉ có tánh cách nhân sự : Đặc Biệt Pháp Viện có thẩm quyền truất quyền Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, các Tổng, Bộ Trưởng (Hành Pháp), các Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện (Tư pháp) và các Giám Sát Viện trong trường hợp oan tội phạm quốc và các trọng tội khác.

Đặc Biệt Pháp Viện do Chủ-tịch Tối Cao Pháp Viện giữ chức Chánh thẩm và gồm 5 Dân biểu cùng 5 Nghị sĩ làm dựthẩm khi Chủ-Tịch Tối Cao Pháp Viện là bị oan, Chủ Tịch Thượng Nghị Viện sẽ giữ chức chánh thẩm.

Đề-nghị khởi tố phải được quá bán tổng số Dân-biểu và

Nghị sĩ ký tên. Quyết nghị khởi tố phải được đa-số 2/3 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ biểu quyết chấp thuận. Riêng đối với Tổng-Thống và Phó Tổng Thống đề-nghị khởi tố phải đủ đa-số 2/3 và quyết-định khởi tố phải được đa số 3/4 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ.

Như trên ta thấy, Đặc Biệt Pháp Viện chỉ có tương quan với các cơ-quan công quyền, khi các viên chức cao cấp của các cơ quan trên can tội phạm quốc cùng các trọng tội khác, và phải do Quốc Hội khởi tố.

- Các Hội Đồng Tư Vấn, chỉ giúp ý-kiến cho chánh-phủ mà thôi, chánh phủ có quyền nghe hay không nghe theo các ý-kiến đó

Hội Đồng Quân Lực và Hội Đồng An Ninh Quốc Gia làm cố vấn cho Tổng Thống trong các lãnh vực liên hệ.

Còn các Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục, Hội Đồng Kinh-tế Xã hội và Hội Đồng Sắc Tộc do Phó Tổng Thống là Chủ tịch mà 1/3 Hội viên do Tổng Thống bổ nhiệm.

Đặc biệt có một mối tương quan với lập pháp, là khi có sự chấp thuận của Quốc Hội, các Hội Đồng Tư Vấn này có thể cử đại-diện thuyết trình trước Quốc Hội về các vấn đề liên hệ.

Tóm lại, các Hội Đồng Tư Vấn có mối tương quan nhiều nhất với cơ-quan Hành pháp, vì giữ vai trò tư vấn cho cơ-quan này./-

Chương Ba

TỔ CHỨC CÔNG QUYỀN VÀ THỰC TẠI CHÍNH TRỊ

Theo Hiến Pháp ngày 01-4-1967 thiết lập một Chánh thể Cộng Hòa. Tổ chức các cơ cấu công quyền đã theo nguyên tắc phân quyền và phân nhiệm một cách rõ rệt :

Quyền Lập pháp được Quốc dân giao phó cho Quốc Hội gồm 2 Viện : Thượng và Hạ Nghị viện.

Quyền Hành pháp được Quốc dân ủy nhiệm cho Tổng Thống dân cử, có Thủ Tướng phụ giúp để điều hành guồng máy Hành Chánh Quốc gia.

Quyền Tư pháp giao cho Tối Cao Pháp Viện được hành xử bởi các Tham Phán xử án.

Ngoài những cơ quan công quyền cổ điển chung cho mọi Quốc gia tân tiến như trên, Hiến Pháp 01-4-1967 còn qui định việc thành lập một Giám Sát Viện lãnh quyền Giám sát, mà thành phần do các cơ quan trên chỉ định.

Bốn cơ quan Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp và Giám Sát được độc lập và ngang hàng nhau. Trong mấy năm qua, các cơ quan trên và một số các định chế đặc biệt đã hành xử quyền hạn trong phạm vi của mình, được lồng trong khung cảnh một Quốc Gia mà thực tại chính trị vô cùng phức tạp.

Sự tổ chức công quyền, điều hành và tương quan giữa các cơ quan, mà chúng tôi đã xét ở phần trên chỉ dưới khía cạnh pháp lý và nguyên tắc. Nó chỉ được coi là một phương tiện để người ta xử dụng hoặc để xây dựng một nền dân chủ tự do mà toàn dân mong muốn, hoặc để điều hướng thành một chế độ độc tài.

Trong 4 năm qua các cơ cấu của tổ chức công quyền đã đều được thiết lập, những bước đầu của nền đệ II Cộng Hòa đã dọ dẫm bước đi trên con đường xây dựng dân chủ. Những bước

đầu thật vô cùng quan trọng vì qua đó người ta có thể tiên đoán được viên tượng của nền đê II Cộng Hòa trong những thời gian tới.

Để biết trong giai đoạn đầu của nền Đê II Cộng Hòa các cơ quan công quyền đã hành xử quyền hạn của mình, đúng với nguyên tắc phân quyền và phân nhiệm mà Hiến Pháp 1.4.67 qui định không ? Trên thực tế các cơ cấu tổ chức được sử dụng như thế nào trong việc làm tròn nhiệm vụ của những nhà lãnh đạo quốc gia, mà đã được quốc dân giao phó

Trong phạm vi nội dung của đề tài, chúng tôi xin trình bày câu trả lời đầu tiên :

SỰ ƯU THẾ CỦA HÀNH PHÁP ĐỐI VỚI LẬP PHÁP.

Với mặc cảm độc tài của Tổng Thống Diệm thời Đê Nhất Cộng Hòa, Các nhà Lập Hiến 1967 đã hạn chế quyền hạn của Tổng Thống và tăng thêm quyền cho Quốc Hội.

Tổng Thống được Quốc dân bầu lên, đảm trách quyền hành pháp, có Phó Tổng Thống, Thủ Tướng và Chánh phủ giúp sức

Theo Hiến pháp, Phó Tổng Thống cũng được gán cử cùng liên danh với Tổng Thống, Phó Tổng Thống không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử nào khác, ngoài làm Chủ Tịch 3 Hội Đồng tư vấn mà thôi. Ngoài ra Phó Tổng Thống có thể được Tổng Thống giao cho một trách vụ nhất định nào đó. Lẽ dĩ nhiên là tùy thuộc ở Tổng Thống

Trên thực tế, vì thực tại chánh trị vai trò của Phó Tổng Thống cũng đặc biệt. Trong những năm đầu của nhiệm kỳ, Phó Tổng Thống có một ảnh hưởng rất lớn đến Chánh phủ. Tổng Thống để toàn quyền cho Phó Tổng Thống, đã có lần Tổng Thống Thiệu tuyên bố : " Phó Tổng Thống làm cũng như Tổng Thống làm ... ". Nhưng những năm sau của nhiệm kỳ, cũng vì thực tại Chánh trị quyền hạn của Phó Tổng Thống lại không có gì.

Còn về vai trò và quyền hạn của Thủ Tướng vẫn chưa được ấn định rõ rệt. Thủ Tướng do Tổng Thống chỉ định và giải nhiệm. Thủ Tướng có thể bị Quốc Hội chất vấn hay khuyến cáo Tổng Thống giải nhiệm với chung quyết đa số 3/4 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ. Như vậy, Thủ Tướng tùy thuộc Tổng Thống và Quốc Hội.

Nhưng trên thực tế, đa số 3/4 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ khó đạt được, nên Quốc Hội khó mà lật đổ được Thủ Tướng. Vì vậy Thủ Tướng tùy thuộc vào Tổng Thống nhiều hơn.

Về quyền hạn, Thủ Tướng thi hành Chánh sách của Tổng Thống và chịu trách nhiệm trước Tổng Thống (điều 67), quyền hạn của Thủ Tướng điển Pháp ghi không được rõ ràng, bởi vậy phải tùy thuộc vào Tổng Thống.

Thường có 2 quan niệm về vai tước và nhiệm vụ của Thủ Tướng.

1.- Thủ Tướng được Tổng Thống ủy cho một quyền quyết định rộng rãi. Tổng Thống chỉ vạch ra Chánh sách đại cương và để cho Thủ Tướng tự do chọn lựa công sự viên, hoạch định và thực hiện các Chương trình kế hoạch của Chánh phủ để thực hiện Chánh sách đại cương đó. Như vậy, Thủ Tướng có một thực quyền khá lớn và phải chịu trách nhiệm trước dư luận về thành quả việc làm của Chánh phủ.

2.- Thủ Tướng chỉ là một nhân vật thừa hành, không có quyền quyết định về thành phần cũng như về chương trình kế hoạch của Chánh phủ. Mọi công việc quan trọng đều do Tổng Thống quyết định và Thủ Tướng chỉ có nhiệm vụ thi hành các chỉ thị của Tổng Thống (1).

Trên thực tế, những năm vừa qua hành pháp đã theo quan điểm 2, Thủ Tướng chỉ như là một Tổng Trưởng trong lãnh vực Quốc gia, và cũng giống như vai trò của Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống thời đệ I Cộng Hòa.

Quan điểm của các nhà Lập Hiến 1967 khi tạo ra chức vụ Thủ Tướng này để chịu trách nhiệm thay cho Tổng Thống lúc Chánh phủ có nhiều sai lầm hay bất lực. Khi Quốc Hội cũng như dân chúng bất mãn với Chánh phủ, chỉ cần thay Thủ Tướng là đủ làm sự chống đối dịu đi. Như thế Tổng Thống có thể giữ chức vụ đến lúc mãn nhiệm kỳ, để tránh xáo trộn bởi những cuộc chống đối có thể làm sụp đổ chế độ đưa đến cuộc khủng hoảng Chánh trị.

(1) Nguyễn Ngọc duy : kiểm điểm 3 năm hoạt động của Đệ I Cộng Hòa Cấp Tiến số 17. Trang 12.

Trên thực tế, chính vì sự tập trung quyền hành trong tay của Tổng Thống trong những năm qua, mà các cuộc tranh đấu được phát động để phân phối Chánh quyền trong những lãnh vực kinh tế, Thương phế binh, Sinh viên Học sinh.... Thay vì Thủ Tướng bị chỉ trích, mũi dùi lại quay sang Tổng Thống.

Còn về các nhân viên Chánh phủ được Tổng Thống bổ nhiệm đặt dưới sự điều khiển của Thủ Tướng. Họ cũng chịu trách nhiệm trước Tổng Thống. Tổng Thống có quyền tự ý hoặc theo khuyến cáo của Quốc hội giải nhiệm các nhân viên Chánh Phủ.

Trên thực tế, ngoài Nội các do Thủ Tướng điều khiển còn có một hệ thống Phụ Tá Đặc biệt của Tổng Thống. Hệ thống này như một Chánh phủ trong bóng tối, dưới sự điều khiển của Tổng Thống có uy quyền mà không chịu trách nhiệm trước Quốc dân. Sự hiện diện của hệ thống Phụ Tá này cũng đã làm cho vai trò của Thủ Tướng lu mờ thêm.

Hơn nữa, tại địa phương, trong nhiệm kỳ đầu chưa bầu được Tỉnh Trưởng, Tổng Thống bổ nhiệm những viên chức này, làm uy quyền của Tổng Thống lớn rộng ở Trung Ương cũng như địa phương.

Tóm lại, về ngành Hành pháp trong những năm vừa qua, các quyền hành càng ngày lại càng tập trung vào tay Tổng Thống. Đây là một điều nguy hiểm cho chế độ vì nếu Tổng Thống quyết định mọi việc thì Tổng Thống phải chịu trách nhiệm trước dư luận khi công việc không trôi chảy, có thể làm sút mẻ uy tín lãnh đạo Quốc gia của mình. Nguy hiểm hơn nữa sự tập trung quyền hành dễ có khuynh hướng độc tài như kinh nghiệm ở Cộng Hòa vậy.

Quyền Hành pháp đều tập trung trong tay Tổng Thống, để hiểu rõ về uy thế của hành pháp hơn nữa, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày sự yếu kém của Quốc hội và Hành pháp ảnh hưởng vào Lập pháp như thế nào trên mặt thực tế.

Hiến Pháp 1-4-1967 đã tăng cường quyền hành của Quốc Hội về giới hạn quyền hành của Tổng Thống. Quốc Hội có 2 Viện Hạ Nghị viện đại diện cho địa phương và Thượng Nghị viện do cử tri toàn quốc bầu lên.

Việc thiết lập Quốc Hội lưỡng Viện của các nhà Lập- Hiến 1967 là muốn ngăn ngừa Hành pháp chi phối vào cơ quan

Lập pháp này, như thời đệ I Cộng Hòa Quốc Hội độc Viện đã bị Tổng Thống Ngô Đình Diệm chi phối đa đảng. Theo họ lập luận rằng có 2 Viện thì đầu Tổng Thống có mua chuộc hay uy hiếp được Viện này, cũng vẫn còn Viện kia bảo vệ sự độc lập của cơ quan Lập pháp.

Nhưng thực ra, nếu Tổng Thống nhất định tìm cách thao túng và có đủ khả năng mua chuộc hay uy hiếp Viện này thì cũng có thể uy hiếp Viện kia. Hơn nữa, trong chế độ lưỡng Viện, hai Viện coi ngang hàng nhau, Tổng Thống chỉ cần nắm được một Viện là đủ làm tê liệt cả Quốc Hội được.

Việc nắm Quốc Hội của Hành pháp bằng nhiều cách, việc đầu tiên và hợp pháp là đưa người ra tranh cử.

Như ta đã biết Dân biểu được bầu cử theo thể thức đơn danh đa số, đơn vị là Tỉnh. Trong phạm vi nhỏ như vậy việc tranh cử sẽ ít tốn kém, các nhân sĩ độc lập có một tài sản trung bình cũng có thể ra tranh cử được, lẽ dĩ nhiên số ứng cử viên sẽ quá đông, ai có một số thăm đa số tương đối sẽ đắc cử. Vậy, nhà cầm quyền chỉ cần uy hiếp một số cử tri trong đơn vị bầu cử cho người của họ, hoặc dùng những phương tiện khác... để cho người của họ được đắc cử.

Ở đâu cũng như vậy, Hành pháp sẽ tạo được một khối lớn những Dân biểu của mình trong Quốc Hội. Khối đó nhiều ít là tùy ở nỗ lực của Hành pháp, hơn nữa các Dân biểu đắc cử đa số có tánh cách độc lập, khi ở nghị trường họ rất dễ bị Hành pháp chi phối bởi áp lực hay mua chuộc.

Trường hợp hành pháp không cần đưa người vào Hạ Viện cuộc bầu cử tự do sẽ đưa tới Hạ Viện sự phân hóa. Vì đa số Dân biểu đại diện địa phương có tánh cách độc lập và thuộc nhiều nhóm nhỏ khác nhau. Có thể họ sẽ họp thành khối trong Quốc Hội, nhưng các khối ấy khó chặt chẽ. Vì vậy, Hạ Nghị Viện sẽ khó có một khối đa số vững chắc. Bằng chứng cụ thể là trong pháp nhiệm đầu tiên, sĩ số ủng hộ hay phản đối các vấn đề không tùy thuộc vào lập trường, mà tùy thuộc vào từng vấn đề được nêu ra.

Tóm lại, khi Hành pháp muốn chi phối Hạ Viện, họ sẽ đưa người vào Hạ Viện một cách hợp pháp không khó khăn, khi họ đang nắm quyền và có nhiều phương tiện, lúc đó trong Hạ Viện sẽ có khối đa số ủng hộ Hành pháp.

Ngược lại, Hành pháp không cần đưa người vào Hạ Viện thì Hạ Viện cũng ở trong tình trạng phân hóa, không có một khối mạnh nào, đó là chưa kể sự ép lực và mua chuộc của hành pháp.

Còn Thượng Nghị viện được bầu theo thể thức liên danh đa số trong một đơn vị duy nhất là Quốc Gia, mỗi liên danh là 10 người.

Vì toàn quốc chỉ có 1 đơn vị nên cuộc vận động tuyển cử sẽ khó khăn và tốn kém. Một liên danh có thể đắc cử khi gồm nhiều người danh tiếng bao trùm toàn quốc, hoặc phải dựa vào một bộ máy tuyển cử cơ sở khắp nơi, và vấn đề tài chính sẽ vô cùng lớn lao. Bởi vậy Thượng Viện sẽ gồm những Nghị Sĩ có thế lực, hoặc nhiều tiền bạc.

Hơn nữa, thể thức liên danh 10 người tại Thượng Viện để có khuynh hướng liên minh với nhau để thành những khối lớn tại Thượng Nghị viện.

Khi Chánh quyền muốn đưa người vào Thượng Viện cũng không khó khăn gì, với phương tiện to tát và đồng đều trên toàn quốc, hành pháp dễ có những liên danh của mình đắc cử khi chỉ cần có đa số tương đối phiếu. Còn ảnh hưởng của các liên danh khác sẽ thất thường không đồng đều, có vùng ảnh hưởng nhiều và ngược lại có vùng ảnh hưởng ít.

Như vậy, tại Thượng Viện sẽ có sự liên minh thành những khối lớn đối lập và hòa giải lẫn nhau, có thể làm sinh hoạt Thượng Viện được điều hòa và bình dị. Đây cũng là một trở ngại lớn khi Quốc Hội xử dụng quyền của mình để ảnh hưởng tới Hành pháp là quyền khuyến cáo và sẽ bất lực trước quyền yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống.

Giữa Thượng và Hạ Nghị Viện dù chưa có những tranh chấp lớn lao, nhưng sự hợp tác giữa 2 Viện cũng còn lỏng lẻo chưa thể hiện được sức mạnh của Quốc Hội để có thể chống đỡ được với Hành pháp.

Việc sinh hoạt chung của lưỡng Viện Quốc Hội thường làm Hạ Viện có ưu thế hơn, vì tỷ lệ biểu quyết là tổng số Dân biểu và Nghị Sĩ, với thành phần gần gấp 3 Thượng Viện, Hạ Nghị Viện sẽ có ưu thế hơn Thượng Nghị Viện.

Về thủ tục lập pháp, quyền chung quyết thuộc Hạ Viện với đa số 2/3 tổng số Dân biểu, làm lệ thuộc vào thành phần của Hạ Viện. Nếu Hạ Viện có một khối vững chắc gồm 2/3 tổng số Dân biểu, nó sẽ có ưu thế. Nhưng thực tế Hạ Viện phân hóa thành nhiều nhóm nhỏ chông chọi nhau, thì ưu thế sẽ về Thượng nghị viện. Trên thực tế, hai Viện thiếu hợp tác chặt chẽ với nhau trong công việc Lập pháp, vì Quốc Hội đã không thiết lập một chương trình lập pháp với thời khóa biểu ràng buộc cho mỗi khóa họp. Bởi vậy, có nhiều dự luật đã được Hạ Viện biểu quyết rồi nhưng khi đưa sang Thượng Viện thì bị ngưng lại rất lâu, có khi đi đến khóa sau mà vẫn chưa đem ra thảo luận và biểu quyết. Công việc Lập pháp vì thế mà hóa ra chậm trễ không ứng phó kịp với tình thế đang biến chuyển một cách nhanh chóng.

Sự hợp tác thiếu chặt chẽ và chậm chạp, riêng các Dân biểu và Nghị sĩ còn có những mặc cảm với nhau nào là một bên đại diện Quốc gia, một bên đại diện Tỉnh. Một bên lớn tuổi chín chắn hơn, một bên còn trẻ hăng say, một bên ít và một bên đông hơn... Với những mặc cảm đó, Nghị sĩ về Dân biểu nhiều khi đã tỏ ra tha thiết với việc bảo vệ Viện mình khỏi bị Viện kia lấn lướt, nhiều hơn là lo bảo vệ sai quyền của cơ quan Lập pháp đối với Hành pháp.

Trong những năm qua, mối tương quan giữa 2 Viện của Quốc hội làm cho nhiều người vô tư phải hoài nghi về sự thích ứng của chế độ lưỡng Viện tại Việt Nam Cộng Hòa.

Nội bộ tại mỗi Viện chưa được vững mạnh, sự hợp tác còn lỏng lẻo, Quốc Hội chưa thể hiện được sức mạnh của mình. Quốc Hội có một số quyền đặc ảnh hưởng đến Hành pháp, như quyền chất vấn, khuyến cáo và kiểm soát việc thi hành chánh sách Quốc gia, vì quá yếu nên đã xử dụng chúng không đúng mức hoặc không nổi, và chẳng gây được ảnh hưởng gì với Hành pháp ví như một người quá yếu không thể xử dụng được khí giới của mình để chống lại với kẻ địch quá mạnh mẽ.

Quốc Hội đã xử dụng quyền chất vấn của mình quá nhiều đến nỗi những việc không quan trọng cũng chất vấn Chánh phủ, làm nhiều người liên tưởng là Quốc Hội cố tìm cách lật đổ Chánh phủ hơn là để kiểm soát việc thi hành Chánh sách Quốc gia, cho nên việc chất vấn của Quốc Hội trở nên nhàn chán và tầm thường.

Ngoài ra, Quốc Hội còn có quyền khuyến cáo Tổng Thống để giải nhiệm một phần hay toàn thể Chánh phủ. Nhưng thủ tục và thực tế đã làm Quốc Hội vô lực để sử dụng quyền này.

Theo Nội qui Thượng Viện là họp riêng để biểu quyết, mỗi Viện phải hội đủ tỷ số 2/3 hay 3/4 Dân biểu cho Hạ Viện, và 2/3 hay 3/4 Nghị sĩ cho Thượng Viện, thay vì một việc này thật là khó khăn cho từng Viện, lại khó khăn hơn nữa khi tính tỷ lệ chung cho 2 Viện. Trên thực tế thì hầu như tỷ lệ trên không khi nào có thể đạt được, vì số Dân biểu và Nghị sĩ đi họp quá ít và chưa kể khối Dân biểu và Nghị sĩ từng ứng hộ Hành pháp cũng như bị mua chuộc.

Cũng với tình trạng vắng vẻ thiếu họp nhất này, mà Quốc Hội đã bị Tổng Thống đoạt mất quyền Lập pháp khi ông sử dụng quyền phúc nghị.

Theo Hiến pháp, khi Dự luật chuyển sang Tổng Thống để ban hành, Tổng Thống có thể yêu cầu Quốc Hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của Dự luật. Quốc Hội phải họp khoáng đại lưỡng Viện để chung quyết dự luật với đa số quá bán tổng số Dân biểu và Nghị sĩ.

Nhưng trên thực tế, tỷ số hiến định này khó mà thực hiện được vì những lý do trên. Vì vậy Tổng Thống cứ làm luật theo quan điểm của mình với thiếu số Dân biểu và Nghị sĩ khi sử dụng quyền phúc nghị.

Sự yếu kém của Lập pháp là bởi nguyên nhân cơ quan này còn có nhiều nhân viên chưa ý thức được nhiệm vụ và quyền hạn của mình, và có những hành động làm cho Quốc Hội nói chung mất uy tín.

Việc tự quyết cho mình số tiền phụ cấp tương đối cao so với các ngành khác, so với thời giá và những hoạt động tích cực của Dân biểu và Nghị sĩ thì không đáng bao nhiêu. Nhưng Quốc Hội đã không phân biệt hành động tích cực và những người không làm gì cả. Đó cũng là điều bất mãn và dị nghị của các cơ quan khác và quốc dân. Nếu Quốc Hội có thể sửa lại phương thức trả tiền phụ cấp cho nhân viên như 1 số Quốc Gia dân chủ khác, có thể làm nhân viên Quốc Hội tích cực và công bằng hơn. Phương thức đó như sau, người ta phân biệt hai phần trong số tiền phụ cấp, một phần cố định bằng với lương bổng của một công chức ở ngạch trật lớn nhất và thêm niên nhất còn một phần thường biến tùy theo sự hiện diện hoặc công tác của họ.

Hơn nữa, có một số nhân viên Quốc hội còn có thái độ vô trách nhiệm hay lợi dụng chức vụ một cách quá đáng để làm những chuyện xằng bậy, cũng như có những tư cách thiếu đứng đắn... Những điều trên đã làm Quốc dân mất thiện cảm, và Hành pháp khinh lờn. Lúc đầu, Hành pháp cố vẽ vẽ nể nang nhưng dần dần Hành pháp ra mặt bắt đầu đến Quốc hội và điều này càng ngày càng rõ rệt hơn. (1)

Nói chung lại, cơ quan Lập pháp đã tỏ ra quá yếu kém không thể xử dụng những quyền hạn của mình để ảnh hưởng đến Hành pháp. Lập pháp chỉ có công việc chính là làm luật, nhưng với quyền phúc nghị Tổng Thống lại đoạt mất quyền làm luật này vì yếu kém, Lập pháp càng bị Hành pháp lấn lướt và thao túng. Tóm lại, cơ quan Lập pháp đã không làm tròn nhiệm vụ của mình mà Quốc dân giao phó, và cũng đã làm mất lòng tin nhiệm của toàn dân.

SỰ ĐỘC LẬP CỦA CƠ QUAN TƯ PHÁP

Sự độc lập của cơ quan Tư pháp là một trong những nguyên tắc căn bản của nền Dân chủ tự do. Có độc lập cơ quan Tư pháp mới có thể hoàn tất trách vụ của mình, mới có thể xử án một cách vô tư nhờ đó bảo vệ được luật pháp, và bảo vệ được công dân chống lại sự áp bức của nhà cầm quyền.

Sơ với thời Đế Nhất Cộng Hòa, tổ chức cơ quan Tư pháp của nền Đế Nhị Cộng Hòa đã tỏ ra tiến bộ, có khả năng bảo vệ sự độc lập của mình trên nguyên tắc.

Quyền Tư pháp được giao cho Tối Cao Pháp Viện được đặt ngang hàng với các cơ quan Lập pháp và Hành pháp. Và việc thiết lập hai ngạch Thẩm phán Công tố và Thẩm phán xử án phân biệt nhau, chứ không là một ngạch Thẩm phán duy nhất mà có thể bỏ nhiệm vào chức vụ Công tố hay Xử án nữa.

Thẩm Phán công tố do Bộ Tư Pháp của Chính phủ hành xử quyền hạn của mình vì nhân danh xã hội để buộc tội những người

(1) Trường hợp vụ Trần Ngọc Châu, đã bị Hành Pháp truy tố và bắt giam, thật là một tiền lệ nguy hiểm đối với các Dân biểu và Nghị sĩ, cũng như sự độc lập của cơ quan Lập pháp nói chung

phạm pháp. Còn Thẩm phán Xử án do Tối Cao Pháp Viện quản trị Chánh phủ không thể ảnh hưởng đến việc thăng thưởng, chuyển-chuyên hay chế tài các Thẩm phán Xử án được, các vị này hành xử quyền Xử án đại diện cho công bằng và vô tư.

Thời Đế Nhất Cộng Hòa, hành pháp đã thao túng vào ngành Lập pháp bằng những cách :

- Đưa những vị Thẩm phán Xử án cương trực không chịu nhận mất tuân lệnh họ vào Công Tố Viện, và đưa những vị Thẩm phán chịu tuân lệnh họ vào các chức vụ Xử án. Hơn nữa, Chánh quyền còn có thể dùng biện pháp thăng thưởng, chuyển-chuyên hay hăm dọa các Thẩm phán.

- Lập ra những Tòa án Đặc biệt và bổ nhiệm các Thẩm phán chịu tuân lệnh chính quyền vào các Tòa án này để kết án các bị can theo chỉ thị của chánh quyền.

Hiến pháp 1967 đã tránh được những khuyết điểm trên là nhờ phân biệt rõ ràng hai ngạch Xử án và Công tố, các Thẩm phán Xử án bị chỉ phối bởi Hội Đồng Thẩm phán do các Thẩm phán bầu lên và do Tối Cao Pháp viện quản trị.

Tuy là một bước tiến so với thời Đế I Cộng Hòa, nhưng nó vẫn chưa được hoàn hảo để có thể nêu rõ được sự hoàn toàn độc lập của cơ quan Tư Pháp, đó là bởi cách thức chỉ định Thẩm phán, Tối Cao Pháp viện và nhiệm kỳ các vị Thẩm phán đó.

Các Thẩm Phán TCPV do Quốc Hội bầu ra trong một danh sách được luật sư đoàn, Thẩm phán đoàn Công tố và Thẩm phán đoàn xử án đề cử. Vì vậy các ứng viên muốn đắc cử phải vận động trong giới luật sư, Thẩm phán, Dân biểu và Nghị sĩ. Nhưng khi đắc cử xong Thẩm phán TCPV lại chỉ giữ chức vụ trong một nhiệm kỳ có 6 năm.

Khi các ứng viên Thẩm phán TCPV muốn đắc cử, bắt buộc phải vận động và không thể làm mất lòng cử tri của mình, cho nên trong nhiệm kỳ làm việc e rằng không được vô tư đối với các cử tri của mình khi họ là nạn nhân.

Nhiệm kỳ chỉ có 6 năm, muốn bảo đảm sự độc lập của Thẩm phán TCPV, phải làm sao cho họ hoàn toàn thoát khỏi mọi sự chỉ phối, ngoài các vấn đề thăng thưởng bổ nhiệm còn có vấn đề nhiệm kỳ làm việc. Các Thẩm phán Tối Cao của Anh trong

Quý tộc Nghị Viện và các Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện của Hoa Kỳ khi đã nhậm chức rồi thì giữ chức vụ đó đến mãn đời với số lương bổng cao, để tránh việc mua chuộc và áp lực hầu hành xử nhiệm vụ của mình một cách vô tư và công bằng.

Tại VN khi các Thẩm phán TCPV mãn nhiệm kỳ mà không được tái đắc cử sẽ trở về địa vị cũ của mình, đối với luật sư (nghe tự do) thì không quan trọng, nhưng đối với Thẩm phán thì khó khăn hơn. Người Thẩm phán được đưa vào TCPV chỉ cần có 10 năm thâm niên trong ngành. Vậy họ có thể ở vào một ngạch trật tương tời còn thấp trong bộ máy Tư Pháp. Nếu sau khi mãn nhiệm kỳ và trở về địa vị cũ mà họ bị đặt dưới quyền những người đã bị họ điều khiển khi họ còn trong TCPV thì bộ máy Tư Pháp không khỏi bị xáo trộn và khó khăn.

Một sơ hở nữa trong hệ thống Tư Pháp hiện nay là sự hiện diện của Tòa Án Quân Sự Mặt Trận, nhân vụ xử án Đền Biếu Trần Ngọc Châu, được xem như một tòa án Đặc biệt không đặt dưới sự kiểm soát của TCPV.

Hiến pháp 1967 ủy nhiệm quyền Tư pháp cho TCPV, Viện này quản trị ngành Tư Pháp, nên không thể chấp nhận một Tòa án đứng ngoài sự kiểm soát của cơ quan Tư Pháp Tối Cao, vì điều này có thể giúp cho Hành pháp lạm dụng quyền hành mà ức hiếp công dân.

Ngoài ra, trong những năm vừa qua, xuyên qua những bản phán quyết của TCPV, chúng tôi nhận thấy lập trường của TCPV không được dứt khoát, rõ ràng. Riêng hai phán quyết về vụ Tổng Thống yêu cầu Quốc Hội phúc nghị lại dự luật Ngân sách tài khóa 1969, và vụ Trần Ngọc Châu đều tỏ ra đứng đắn và đúng theo tinh thần Hiến Pháp, nhưng TCPV đã tìm cách tránh né không sử dụng quyền mình một cách mạnh mẽ để minh xác những chỗ còn mù mờ trong Hiến pháp, tạo ra một hình ảnh rõ rệt về chế độ cho Hành pháp và Lập pháp dựa vào đó mà làm việc.

Phải chăng TCPV một mặt cố bảo vệ tinh thần Hiến Pháp nhưng một mặt lại muốn làm vừa lòng cả Hành Pháp lẫn Lập Pháp là do ở hậu quả cách chỉ định và nhiệm kỳ Thẩm phán TCPV thiếu sót như vừa trình bày ở trên không ?

VAI TƯỜNG CỦA GIÁM SÁT VIỆN

Với sứ mệnh là diệt trừ tham nhũng, một căn bệnh trầm kha tại xã hội VN. Hiến pháp 1967 đã qui định thiết lập một Giám sát viện để đảm trách công việc này. Giám sát viện được độc lập và ngang hàng với các cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư Pháp. Và các cơ quan trên chỉ định nhân viên cho Giám Sát Viện. Giám sát Viện có quyền Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân, đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ và hối mai quyền thế.

Với một quyền hạn rộng như vậy, Giám Sát viện có đủ quyền hành để thi hành nhiệm vụ, nhưng không tự quyết định lấy những biện pháp trừng phạt, mà chỉ có thể đề nghị những biện pháp chế tài hay yêu cầu truy tố người phạm lỗi. Vì vậy Giám Sát viện đã không thể uy hiếp các cơ quan công quyền khác, khi quyền trừng phạt những người bị điều tra nằm trong tay các cơ quan đó.

Với Lập pháp, trong những năm qua, cơ quan này không mấy gì ưa thích Giám Sát viện, có lẽ Quốc Hội muốn dành độc quyền kiểm soát nhân viên công quyền của mình chăng? Và họ cũng không muốn bị sự kiểm soát của cơ quan công quyền nào khác? Điều này có thể giải thích phần nào khi Quốc hội dành ngân sách cho Giám Sát viện không được dồi dào lắm?

Trên thực tế, có những Dân biểu hay Nghị sĩ đã lợi dụng chức vụ của mình để buôn lậu, tham nhũng... mà Giám Sát viện đã bất lực trong cuộc can thiệp vào cơ quan này.

Với Hành Pháp lại còn khó khăn hơn nữa cơ quan này đã bị Giám Sát viện xách nhiều nhiều nhất, và họ cũng chẳng ưa thích gì Giám Sát viện cả nên họ rất ít khi giúp đỡ phương tiện để Giám sát viện làm việc. Hơn nữa những quyết định của Giám Sát viện cũng đã bị Hành Pháp ít lưu ý tới, nhất là nhân viên của Hành pháp lại là quân nhân cao cấp, như vụ một Chuẩn Tướng họ bị GSV tố là tham nhũng, nhưng sau đó không những vị Chuẩn Tướng này không bị trừng phạt mà còn được thăng chức nữa.

Tuy nhiên, Hành pháp cũng thi hành một số quyết định của GSV, nhưng nạn nhân là những nhân viên cấp dưới, và có 1 vài nạn nhân cao cấp nhưng chắc lại có một an ý chính trị nào chăng?

Về phương thức làm việc của GSV thay vì tự động mở các cuộc điều tra riêng đôi với các nạn nhân khác và các vụ nghi ngờ, GSV lại chỉ dựa vào những đơn khiếu nại để rồi mới điều tra. Điều này rất có thể GSV sẽ bị lợi dụng cho nhiều âm mưu Chánh trị không biết từ đâu đến.

Tóm lại, với một xã hội đầy tham nhũng sự thiết lập một cơ quan bài trừ tham nhũng này và được độc lập, ngang hàng với các cơ quan khác là hết sức phù hợp và cần thiết. Nhưng trong những năm qua, mặc dù cố gắng nhưng với một ít kết quả không mấy khả quan, cũng như đã gặp nhiều điều khó khăn khác. Giám Sát viện đã chưa làm tròn được nhiệm vụ mà mọi người mong muốn. Hy vọng trong tương lai các cơ quan công quyền khác tích cực hợp tác với Giám Sát viện trong công cuộc bài trừ tham nhũng, thì căn bệnh trầm kha này mới có thể được giảm sút và tiêu trừ.

KẾT LUẬN

Các nhà Lập hiến 1967 với mặc cảm độc tài của Tổng Thống Đệ I Cộng Hòa đã đứng vào thế đối lập với Tổng Thống mà soạn thảo bản Hiến Pháp ngày 01-4-67.

Theo Hiến Pháp của nền Đệ II Cộng Hòa quyền hành của Tổng Thống bị hạn chế nhiều ở Trung Ương cũng như địa phương và quyền hạn của cơ quan Lập pháp được tăng cường thêm, cũng như đề cao tính cách độc lập của cơ quan Tư Pháp và vai trò của GSV.

Những cơ quan công quyền đã được thiết lập đầy đủ, sau 4 năm hoạt động các cơ cấu ấy đã trải qua nhiều thử thách và đã làm sai lạc đi phần nào ý nghĩ của các nhà Lập pháp 1967

Nguyên tắc phân quyền và phân nhiệm cũng đã bị xâm phạm, trên thực tế Hành Pháp có một ưu thế để chi phối các cơ quan công quyền khác, và với quyền phúc nghị Tổng Thống đã là người làm ra luật theo quan điểm của mình.

Quốc Hội cũng đã bất lực trong nhiệm vụ mà Quốc Dân giao phó, cũng chỉ bởi những người đại diện dân chúng tại cơ quan Lập pháp không ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình.

Tư Pháp, so với Đệ I Cộng Hòa là một tiến bộ vượt bậc tuy nhiên trên thực tế đã chứng tỏ sự tổ chức cơ quan này chưa hoàn hảo, hy vọng trong những ngày gần đây sự tổ chức của cơ quan này được tu chỉnh lại cho phù hợp với vai trò độc lập của mình trong công cuộc xây dựng dân chủ.

Cơ cấu Giám Sát Viện là một cơ cấu hết sức phù hợp với hiện trạng Việt Nam, muốn thực sự cải tạo xã hội, các cơ quan công quyền khác phải thực tâm cộng tác với Giám Sát Viện trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

Còn một số những cơ cấu theo các định chế đặc biệt tuy đã được thiết lập, nhưng trách vụ cũng không mấy quan trọng để có thể gây sự chú ý của mọi người.

Các mối tương quan giữa các cơ quan và vai tước của các cơ quan công quyền cũng đã biểu lộ một sự bất ổn đáng ngại. Sự bất ổn này một phần là bởi những khuyết điểm nội tại của sự tổ chức công quyền, một phần bởi sự thiếu vắng vai trò của các chính đảng có thực lực, nhưng quen trong chính văn là thiếu vắng ý thức dân chủ của toàn dân cũng như của những người đại diện họ lãnh đạo các cơ quan công quyền hiện tại.

Chính vì vậy, mà chế độ của chúng ta bây giờ vẫn chưa phải là một chế độ dân chủ tự do thực sự.

Các cơ cấu tổ chức công quyền hiện tại đã được trải nghiệm qua 4 năm trường, tuy còn có những khuyết điểm, nhưng hay còn quá sớm để ta có thể thẩm định là tổ chức công quyền đó có phù hợp với thực trạng Việt Nam hay không?

Trên nguyên tắc dù tổ chức công quyền có phù hợp với thực trạng Việt Nam và thể hiện được nền dân chủ tự do, nhưng nó chỉ là một phương tiện để phục vụ con người.

Nếu những người điều khiển phương tiện đó có ý thức dân chủ tự do và thực thi nó, thì sẽ có một chế độ dân chủ tự do mà mọi người mong muốn. Nhưng nếu người điều khiển nó có dã tâm xây dựng chế độ độc tài thì e rằng những cơ cấu công quyền dù hay đến đâu cũng sẽ không đủ sức ngăn cản được ý định của họ.

Cho nên những người điều khiển bộ máy công quyền mới thật là quan trọng. Vì vậy, vấn đề tuyển chọn những người đại diện quốc dân để điều khiển những cơ quan công quyền mới là chính yếu; vấn đề đó lại thuộc về toàn dân.

Và các cơ chế tổ chức công quyền, lại phải luôn luôn được trải nghiệm qua các cuộc bầu cử, xem nó có khả năng chấp nhận sự thay đổi quyền hành hay không? Và xem nó có phù hợp với thực trạng một quốc gia chậm tiến như Việt Nam hay không?

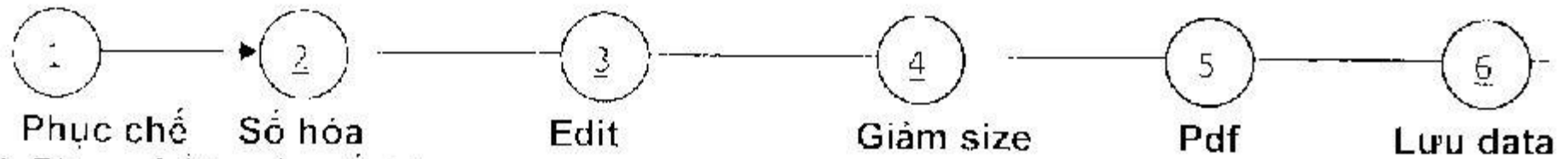
Con đường dân chủ còn nhiều khó khăn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hiến Pháp VNCH 01-4-1971
- Luật Hiến Pháp về Chánh Trị Học Gs Nguyễn văn-Bông
- Luật Hiến Pháp, Giảng văn Đại Học Luật Khoa Cần Thơ của GS Nguyễn ngọc-Huy
- Dận chủ và độc tài, giảng văn tư tưởng chánh trị, của Gs Nguyễn văn-Tương
- Hiệp Pháp chú giải, của Luật-Sư Trương Tiến-Đạt
- Tổ chức Chánh Trị và Hành chánh, Gs Bùi quang-Khánh
- Các định chế của nền Đệ Nhị Cộng Hoà, Luận Văn Tốt Nghiệp Cao Học của SV Lê văn-Toàn
- Tương quan giữa Lập Pháp và Hành Pháp, Luận Văn tốt Nghiệp Đốc Sự của SV Lê Quang Phò.
- Sau 3 năm của nền Đệ Nhị Cộng Hoà, Gs Nguyễn ngọc-Huy, nguyệt san Cấp Tiến.
- Giám Sát Viện, nguyệt san Cấp Tiến.
- Chế độ lương viện tại Việt-Nam, Lê văn-Thạch, nguyệt san Hoài Bảo số tục bản

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: *LVHC 560*
- Loại tài liệu: *Luận văn*
- Người giao: *B.Đ.*
- Hợp đồng Kế hoạch Khác (tư nhân):
- Yêu cầu scan: Bình thường Cần file Raw Khác:
- Tên tài liệu: *Tổ chức công quyền trung ương*
- Kích thước, số trang: *38 m*
- Người, ngày nhận: *VNCH*



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật:
- Người thực hiện: Thời gian:

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Bookeyes Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Proserv Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Khác..... Người thực hiện: *Tầm* Thời gian: *6/5/13*..... Kỹ thuật:

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit Giảm size PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ Phục vụ hạn chế Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu)